



Luận văn

Thực trạng và giải pháp
hoàn thiện công tác lập kế
hoạch sản xuất và tiêu thụ sản
phẩm tại Công ty xây dựng
cấp thoát nước và hạ tầng kỹ
thuật

LỜI MỞ ĐẦU

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường và thực hiện nền kinh tế mở. Sự chuyển mình sang cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước, kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Cùng với sự bùng ra của mọi thành phần kinh tế, các doanh nghiệp không còn giữ được thế độc quyền như trước, mà để tồn tại cũng như thể hiện được vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân các doanh nghiệp phải xác định được chỗ đứng của mình, nắm bắt được sự tác động của môi trường kinh doanh và mọi thời cơ để kinh doanh có hiệu quả.

Để thích nghi với cơ chế thị trường, mỗi doanh nghiệp phải tìm ra đáp án của 3 vấn đề kinh tế lớn đó là : Sản xuất cái gì ? Sản xuất như thế nào ? Sản xuất cho ai ? phù hợp với năng lực và ngành nghề của mình . Điều quan trọng nhất là làm thế nào để đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của thị trường. Đó là vấn đề sống còn đối với các doanh nghiệp. Đó cũng chính là lí do tại sao mỗi doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình một phương án sản xuất tối ưu .

Có thể nói, kế hoạch hoá là một công cụ chủ yếu, hữu hiệu để doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển của mình và trong đó việc lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp đóng góp một phần quan trọng vào thành công của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện đổi mới công tác kế hoạch, đặc biệt là lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở các doanh nghiệp vẫn còn rất nhiều vấn đề cần bàn bạc và tiếp tục được hoàn thiện trên nhiều phương diện từ nhận thức của người làm kế hoạch đến phương pháp nội dung làm kế hoạch.

Công ty Xây dựng cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật (Cometco) là một doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Trong những năm qua công ty đã có những thành công nhất định trong sản xuất kinh doanh. Đó là sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty mặt khác cũng là do lãnh đạo công ty đã hiểu được công tác lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có vai trò quan trọng như thế nào đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế. Vì vậy em đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài:

"Lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại Công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật"

Em mong rằng đề tài này trước hết có thể giúp bản thân mình tổng hợp được tất cả những kiến thức đã học được và sau đó có thể phần nào giúp ích cho quá trình đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Ngoài lời mở đầu và kết luận bố cục của đề tài gồm 3 chương:

- **Chương 1: Lý luận chung về lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**
- **Chương 2: Thực trạng tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty Xây dựng cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật**
- **Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại công ty Xây dựng cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật**

Song do thời gian có hạn và sự nhận thức còn hạn chế, kinh nghiệm còn chưa có nên bài viết của em chắc chắn còn không ít khiếm khuyết. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của các thầy cô giáo, các đồng chí lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên trong Công ty để bài viết của em được hoàn thiện hơn ./.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

1.1 DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ VỊ TRÍ CỦA DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

1.1.1 Doanh nghiệp xây dựng và phân loại doanh nghiệp xây dựng.

Theo khái niệm chung nhất, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, chủ yếu thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, trao đổi sản phẩm, hàng hoá trên thị trường theo nguyên tắc tối đa lợi ích giữa các bên để đạt được mục đích của mình.

Như vậy doanh nghiệp xây dựng cũng là một tổ chức kinh tế, có tư cách pháp nhân kinh doanh các sản phẩm đặc biệt (sản phẩm có giá trị lớn, thời gian sản xuất dài) trên thị trường xây dựng để đạt được mục đích tối đa hoá lợi nhuận.

Doanh nghiệp xây dựng hình thành trên cơ sở pháp lý của mỗi quốc gia, phụ thuộc vào từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội nhất định.

Trong kinh tế thị trường sự đa dạng, phong phú của loại hình doanh nghiệp xây dựng là một tất yếu khách quan nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Ta có thể chia doanh nghiệp xây dựng theo các tiêu thức sau :

- Theo quyền sở hữu đối với vốn của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp xây dựng Nhà nước, vốn kinh doanh do Nhà nước cấp.

Doanh nghiệp xây dựng tư nhân, vốn kinh doanh của chủ tư nhân.

Công ty xây dựng cổ phần, vốn kinh doanh của các cổ đông.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Công ty trách nhiệm hữu hạn về xây dựng, vốn kinh doanh của các thành viên thành lập doanh nghiệp.

Công ty liên doanh về xây dựng, vốn kinh doanh do các bên tham gia liên doanh đóng góp.

- Theo quy mô sản xuất kinh doanh:

Doanh nghiệp xây dựng có quy mô lớn : Các Tổng công ty xây dựng , Các Tập đoàn xây dựng.

Doanh nghiệp xây dựng có quy mô vừa : Các công ty xây dựng...

Doanh nghiệp xây dựng có quy mô nhỏ : Các doanh nghiệp xây dựng tư nhân, các công ty trách nhiệm hữu hạn về xây dựng.

Quy mô của doanh nghiệp xây dựng thường được đánh giá thông qua vốn đầu tư , tình hình trang bị TSCĐ và số lượng lao động cho doanh nghiệp.

-Theo ngành kinh tế kỹ thuật trong xây dựng :

Doanh nghiệp xây dựng dân dụng

Doanh nghiệp xây dựng giao thông vận tải

-Theo cấp quản lý đối với doanh nghiệp:

Doanh nghiệp xây dựng trung ương.

Doanh nghiệp xây dựng địa phương.

- Theo tính chất hoạt động (mục đích của doanh nghiệp theo yêu cầu của xã hội hoặc cơ chế thị trường).

Doanh nghiệp xây dựng phục vụ cho mục đích công cộng.

Doanh nghiệp xây dựng vì mục tiêu lợi nhuận.

Việc phân loại trên chỉ mang tính chất tương đối, khái quát, trong thực tế các doanh nghiệp xây dựng hoạt động kinh doanh mang tính chất tổng hợp, đa ngành hoặc có sự đan xen nhau nhiều chủ sở hữu về vốn tạo lập doanh nghiệp.

Trên phương diện quản lý vĩ mô của một quốc gia , các doanh nghiệp xây dựng đều được thành lập theo phép của cơ quan có thẩm quyền , tổ chức

quản lý hoạt động theo pháp luật quy định để đạt được mục đích của mình.

1.1.2. Vị trí của doanh nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân.

Lịch sử phát triển xã hội loài người đã trải qua hàng ngàn năm , trong mỗi thời kỳ sự tồn tại của con người luôn gắn với các công trình kiến trúc để chứng tỏ sự văn minh của thời kỳ đó. Do vậy nhu cầu về xây dựng là nhu cầu thường xuyên và ngày càng tăng lên cùng với sự phát triển kinh tế , xã hội của mỗi quốc gia.

Ngày nay, sản xuất càng phát triển , phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc thì vị trí, vai trò của ngành xây dựng trong nền kinh tế quốc dân ngày càng được khẳng định. Nếu như trong điều kiện kinh tế chưa phát triển , hoạt động xây dựng chỉ phục vụ cho các công trình nhỏ với hình thức đơn giản và kỹ thuật thô sơ. Khi nền kinh tế phát triển , xây dựng đã trở thành một ngành sản xuất vật chất quan trọng phục vụ cho nền kinh tế .

Các doanh nghiệp xây dựng cũng phát triển để đáp ứng nhu cầu của xã hội .Khi nền kinh tế chưa phát triển, các doanh nghiệp xây dựng với số lượng lao động ít, trình độ thấp, trang thiết bị kỹ thuật thô sơ, chủ yếu xây dựng thủ công. Ngày nay với số lượng lao động dồi dào , trình độ tay nghề cao, trang thiết bị máy móc hiện đại, sử dụng các phương pháp thi công tiên tiến, áp dụng các thành tựu khoa học vào xây dựng các công trình. Xuất phát từ thực tế, do vậy hầu như các doanh nghiệp xây dựng hiện nay đủ sức đảm nhận thi công những công trình có quy mô lớn và kỹ thuật phức tạp trong và ngoài nước. Về mặt tổ chức quản lý sản xuất, các doanh nghiệp xây dựng ngày càng thay đổi để phù hợp với nhu cầu của xã hội. Từ những doanh nghiệp nhỏ, phân tán, hoạt động trong phạm vi hẹp, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, đến nay đã hình thành những Tổng công ty, các Tập đoàn xây dựng có tính toàn quốc và xuyên quốc gia . Sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp xây dựng phụ thuộc vào từng quốc gia , ở các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ , Anh , Pháp...chủ yếu là các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

phát triển . Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp này tương đối gay gắt dẫn tới có sự chuyên môn hoá theo ngành xây dựng . Công nghệ xây dựng thế giới hiện nay thường tập trung vào xây dựng nhà cao tầng , xây dựng đường hầm và ngoài biển với các khoản chi phí đầu tư nghiên cứu tương đối lớn ở các nước đã và đang phát triển.

Ngành xây dựng ở bất kỳ một quốc gia nào cũng giữ một vai trò quan trọng trong việc nộp thuế cho ngân sách Nhà nước , thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế. Sau đây ta sẽ nghiên cứu vai trò của ngành xây dựng trong một số nước có nền kinh tế phát triển.

Bảng 1.1

Các chỉ tiêu chứng tỏ vai trò quan trọng của ngành xây dựng

Tên nước	Tỷ trọng sản phẩm XD trong tổng SPQN (tính theo % , 1989)	Tỷ trọng lao động XD trong tổng số lao động (tính theo % , 1988)
1. Cộng hoà Đức.	11	6,6
2. Cộng hoà Pháp.	11,4	7,1
3. Anh .	10,1	6,3
4. Hoa kỳ.	8,7	5,4
5. Canada.	14,9	5,9
6. Nhật.	19,3	9,1

Qua số liệu trên ta thấy , ngành xây dựng đã đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm quốc dân của mỗi quốc gia , thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của các nước , khu vực và thế giới. Đặc biệt ở các nước có nền kinh tế đang phát triển thì ngành xây dựng góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động , giảm bớt nạn thất nghiệp .

Mặt khác vốn đầu tư cho ngành xây dựng thường chiếm tỷ trọng cao trong tổng ngân sách của mỗi quốc gia, do đó việc tiết kiệm , quản lý tốt các khâu trong xây dựng có ý nghĩa quan trọng đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với Việt Nam , Nhà nước ta thường quan tâm tới ngành xây dựng , coi đây là một ngành công nghiệp đặc biệt , khi ngành xây dựng phát triển là tiền đề để các ngành công nghiệp khác phát triển theo. Chính vì thế vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước cấp cho ngành xây dựng ngày càng tăng để xây dựng cơ sở hạ tầng kiến trúc.

Trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay , với xu thế hội nhập và phát triển , nước ta đang thu hút một lượng vốn đầu tư rất lớn từ phía nước ngoài. Các dự án đầu tư đó ở nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế : Dự án giao thông, điện , nước, nông nghiệp, y tế, giáo dục... Tất cả các dự án này đều có sự tham gia của các doanh nghiệp xây dựng.

Điều đó càng khẳng định vị trí, vai trò của doanh nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân, nó là chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của mỗi quốc gia.

1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm xây dựng

Sản phẩm xây dựng tuy là sản phẩm công nghiệp, nhưng nó có đặc thù riêng, đặc thù đó quyết định tới quá trình tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Sản phẩm xây dựng mang tính chất đơn chiếc, đối với sản phẩm xây dựng thường được sản xuất theo đơn đặt hàng thông qua hợp đồng kinh tế giữa người mua và người bán đó là những công trình kiến trúc. Trong khi sản phẩm của những ngành khác thường sản xuất hàng loạt, trong điều kiện ổn định. Sản phẩm xây dựng được phân bố ở khắp mọi nơi tùy theo địa điểm yêu cầu của người mua do vậy dẫn tới các chi phí cũng khác nhau cho cùng một loại sản phẩm.

Nơi sản xuất sản phẩm xây dựng cũng là nơi tiêu thụ sản phẩm: Các công trình xây dựng đều được sản xuất, thi công tại một địa điểm nơi đó đồng thời gắn liền với quá trình tiêu thụ và thực hiện giá trị sử dụng. Địa điểm thi công xây dựng thường do chủ đầu tư quyết định để thoả mãn các giá trị sử dụng của sản phẩm.

Sản phẩm xây dựng chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường... của nơi tiêu thụ. Sản phẩm xây dựng bao giờ cũng gắn với địa điểm của một địa phương nhất định do vậy phải lựa chọn công trình phù hợp với điều kiện địa lý, khí hậu, phong tục tập quán, môi trường. Đặc điểm này chi phối tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng như là khảo sát, thiết kế, thi công.

Sản phẩm xây dựng thường kéo dài thời gian sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật cao. Thời gian sử dụng sản phẩm xây dựng thường kéo dài, nhiều công trình kiến trúc có thể tới hàng trăm năm hoặc lâu hơn nữa. Xuất phát từ mục đích của công trình xây dựng không những chỉ phục vụ cho mục đích

hiện tại mà còn phục vụ cho tương lai. Do vậy khi tiến hành sản xuất sản phẩm xây dựng chất lượng được coi là hàng đầu.

Mặt khác sản phẩm xây dựng cần phải có tính thẩm mỹ cao , bởi vì sản phẩm xây dựng là những ngôi nhà , khách sạn, sân bay... càng cần vẻ đẹp bề ngoài để gây sự chú ý, thu hút lòng người. Tính thẩm mỹ của các công trình còn là cơ sở quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật, phong tục tập quán của một quốc gia.

Sản phẩm xây dựng thường có giá trị lớn , tốn nhiều chi phí . Chi phí đầu tư cho một công trình thường dài ra trong một thời gian dài, có thể do nhiều nguồn vốn hình thành. Sản phẩm tuy đơn chiếc nhưng do nhiều hạng mục công trình hợp thành do vậy có thể do nhiều bộ phận tiến hành, do đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng khác biệt với các ngành khác.

1.2. TỔNG QUAN VỀ KẾ HOẠCH HOÁ

1.2.1 Khái niệm kế hoạch hoá

Kế hoạch hoá là một nội dung và là một chức năng quan trọng nhất của quản lý. Bởi lẽ, kế hoạch hoá gắn liền với việc lựa chọn và tiến hành các chương trình hoạt động trong tương lai của một tổ chức, của một doanh nghiệp. Kế hoạch hoá cũng là việc lựa chọn phương pháp tiếp cận hợp lý các mục tiêu định trước. Kế hoạch hoá là cơ sở để thực hiện chức năng kiểm tra, vì không có kế hoạch thì không thể kiểm tra. Vì vậy, mọi cơ quan quản lý ở các cấp đều phải làm tốt công tác kế hoạch hoá.

Kế hoạch hoá là ra quyết định; nó bao gồm việc lựa chọn một đường lối hành động mà một công ty hoặc một cơ sở nào đó, và mọi bộ phận của nó, sẽ tuân theo. Kế hoạch hoá có nghĩa là xác định trước phải làm gì, làm như thế nào, và khi nào và ai sẽ làm. Việc lập kế hoạch là bắt một nhịp cầu từ trạng thái hiện tại của chúng ta tới chỗ mà chúng ta muốn có trong tương lai.

Các quyết định chính trong quá trình xây dựng kế hoạch là:

- Xác định các mục tiêu và các nhiệm vụ để thực hiện các mục tiêu đó

- Xây dựng các phương án để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.
- Xác định các nguồn lực cần thiết về vật chất, công nghệ, vốn, lao động....
- Xác định các mốc thời gian bắt đầu và hoàn thành các công việc, các nhiệm vụ cụ thể nhằm đạt được mục tiêu chung đã đề ra.
- Phân công trách nhiệm cho các tổ chức, các tập thể và cá nhân.

Trong cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp trước đây, người ta đã đề cao quá mức, thậm chí đã tuyệt đối hoá kế hoạch hoá, xem kế hoạch hoá là bao trùm có tính pháp lệnh bắt buộc. Người ta tiến hành kế hoạch hoá áp đặt từ trên xuống dưới, nên kế hoạch hoá mang tính tập trung quan liêu, không áp dụng được những đòi hỏi của thị trường.

Khi chuyển sang cơ chế quản lý mới, lại có những người phủ nhận hoàn toàn vai trò của kế hoạch hoá. Nhận thức này cũng không đúng. Ngày nay trong cơ chế thị trường, các doanh nghiệp và các tổ chức cần coi trọng vai trò của kế hoạch hoá, đổi mới trong việc xây dựng kế hoạch gắn kế hoạch với thị trường.

1.2.2 Nguyên tắc lập kế hoạch của các doanh nghiệp xây dựng

Khi lập kế hoạch ở các doanh nghiệp xây cần vận dụng các nguyên tắc sau.

- Kế hoạch phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường xây dựng

Mục đích cuối cùng của doanh nghiệp xây dựng là cung cấp sản phẩm cho thị trường với chất lượng tốt và thu lợi nhuận. Vì vậy nếu kế hoạch không xuất phát từ nhu cầu của thị trường thì kế hoạch không có tính hiện thực và doanh nghiệp sẽ thua lỗ.

- Khi lập kế hoạch phải dựa trên định hướng lớn của Nhà nước và phù hợp với qui định của pháp luật. Trong nền kinh tế thị trường quyền chủ động của doanh nghiệp được bảo đảm. Tuy nhiên khi lập kế

hoạch các doanh nghiệp xây dựng (nhất là doanh nghiệp nhà nước) vẫn phải dựa trên các định hướng lớn của nhà nước, vì các định hướng này bảo đảm lợi ích cho toàn quốc gia và cộng đồng, nó đã được dựa trên các dự báo khoa học. Nếu doanh nghiệp biết khai thác nó sẽ có thể làm lợi cho bản thân mình.

- Kế hoạch phải dựa trên khả năng thực lực của doanh nghiệp. Nếu kế hoạch không tính đến nhân tố này thì tính hiện thực của nó thấp.
- Kế hoạch phải có mục tiêu rõ rệt, bảo đảm tính tập trung dứt điểm, thoả mãn các yêu cầu của đơn đặt hàng của các chủ đầu tư.
- Kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học, tính đồng bộ và bảo đảm tính chính xác cao nhất có thể được
- Kế hoạch phải linh hoạt, có khả năng thích ứng tốt với tình hình thay đổi của thị trường.
- Kế hoạch phải cố gắng bảo đảm tính liên tục và có kế hoạch gói đầu. Điều này rất phụ thuộc vào khả năng tranh thầu, vào khối lượng xây dựng của thị trường và vào thời tiết.
- Phải phối hợp tốt giữa kế hoạch theo công trình (hợp đồng) và theo niên lịch. Điều này rất quan trọng vì kế hoạch theo niên lịch có liên quan đến khoản chi phí bất biến, một nhân tố quan trọng bảo đảm cho doanh nghiệp có lãi hay bị lỗ.
- Kế hoạch phải bảo đảm tính tin cậy, tính tối ưu và hiệu quả kinh tế – xã hội. Đặc biệt phải bảo đảm độ an toàn về tài chính thể hiện ở tính bảo đảm nguồn vốn, bảo đảm khả năng trả nợ, khả năng thanh toán và tối thiểu phải bảo đảm doanh thu hoà vốn.

1.2.3. Phân loại kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng

1.2.3.1 Phân loại theo thời gian thực hiện kế hoạch

Theo tiêu chuẩn này thường được phân thành kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn (kế hoạch hàng năm) và kế hoạch tác nghiệp (kế hoạch hàng

ngày và hàng tháng). Kế hoạch dài hạn thường là kế hoạch có tính chiến lược. Trong ngành xây dựng kế hoạch xây dựng một công trình có thể kéo dài nhiều năm.

1.2.3.2 Phân loại theo nội dung công việc sản xuất – kinh doanh

Theo tiêu chuẩn này thường phân ra các kế hoạch như: Chương trình sản xuất sản phẩm xây dựng (kế hoạch thi công xây lắp), kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch lao động, kế hoạch tài vụ, kế hoạch tìm kiếm hợp đồng...

1.2.3.3 Phân loại theo nguồn vốn xây dựng công trình

Theo tiêu chuẩn này thường phân ra các loại kế hoạch do: nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, nguồn vốn từ các chủ đầu tư (tức là từ vốn của các doanh nghiệp) từ mọi thành phần kinh tế, từ nhân dân (nhất là xây dựng nhà ở)

Trong hợp tác quốc tế còn phân thành vốn nước ngoài cho vay (ODA), vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) và vốn đầu tư của các cơ sở hạ tầng theo kiểu chủ đầu tư nước ngoài đứng ra xây dựng và kinh doanh, sau đó chuyển giao cho nước chủ nhà (ký hiệu là BOT)

1.2.3.4 Phân loại theo đối tượng kế hoạch

Theo tiêu chuẩn này ta phân ra kế hoạch theo niên lịch và kế hoạch theo công trình xây dựng (tức là theo hợp đồng với các chủ đầu tư)

1.2.4 Nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng

Nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng thường gồm các bộ phận sau:

1.2.4.1. Kế hoạch tìm kiếm hợp đồng xây dựng, tranh thầu và marketing

Đây là bộ phận kế hoạch rất quan trọng vì tất cả sự phát triển của doanh nghiệp xây dựng đều phụ thuộc vào khả năng thắng thầu và tìm được hợp đồng xây dựng. Trong phần này kế hoạch nghiên cứu nhu cầu của thị trường xây dựng cần được chú ý đặc biệt

1.2.4.2 Kế hoạch thực hiện xây dựng theo từng hợp đồng

ở kế hoạch này phải xác định được tiến độ thi công, khối lượng công việc phải thực hiện cho từng giai đoạn, nhu cầu vật tư, xe máy nhân lực và vốn cho từng giai đoạn và chỉ tiêu hiệu quả tài chính cho toàn bộ công trình

1.2.4.3 Kế hoạch năm

Trong kế hoạch năm thường bao gồm các phần:

a. *Chương trình sản xuất sản phẩm (tức là kế hoạch thi công xây lắp)*

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Trong chương trình sản xuất phải ghi rõ tên các công việc phải thực hiện cho từng tháng, thời hạn bàn giao, các công trình chuyển tiếp và gói đầu...

Đây là bộ phận quan trọng nhất, vì nó là xuất phát điểm để tính toán các bộ phận kế hoạch tiếp theo.

b. Kế hoạch cung ứng vật tư

Trong này phải chỉ rõ chủng loại vật tư, nguồn vật tư, nhu cầu về số lượng và yêu cầu về chất lượng, tiến độ cung cấp, phương tiện vận tải, kho bãi, dự trữ chi phí cho mỗi đơn vị vật tư được tính đến chân công trình, xác định loại vật tư tự sản xuất và đi mua..

c. Kế hoạch nhu cầu và sử dụng xe máy thi công

Trong này phải chỉ rõ chủng loại xe máy, số lượng xe máy, số ca sử dụng, tiến độ sử dụng, tiến độ cung cấp, số lượng xe máy đi thuê, số lượng xe máy tự có, chi phí di chuyển, chi phí cho công trình tạm phục vụ này, tổng chi phí sử dụng máy.

d. Kế hoạch về nhân lực và tiền lương

Trong này phải gồm các chỉ tiêu như số lượng nhân lực, trình độ nghề, phân công sử dụng tiến độ sử dụng, tổng nhu cầu về tiền lương và phụ cấp lương, năng suất lao động, nguồn bổ sung, kế hoạch bồi dưỡng cán bộ...

e. Kế hoạch tài chính

Trong này bao gồm các bộ phận kế hoạch như kế hoạch về vốn, kế hoạch chi phí sản xuất, kế hoạch hạ giá thành, lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận, kế hoạch trích nộp ngân sách nhà nước...

f. Kế hoạch sản xuất phụ và các dịch vụ khác

g. Kế hoạch đầu tư

Trong này gồm có kế hoạch mua sắm thiết bị xây dựng, xây dựng các xưởng sản xuất phụ và các dự án đầu tư khác có liên quan đến việc phát triển doanh nghiệp xây dựng.

h. Kế hoạch nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật mới

Trong này chỉ rõ các loại kỹ thuật mới cần phát triển, chi phí cho phát triển, khối lượng và hiệu quả do áp dụng kỹ thuật mới cho xây dựng.

i. Kế hoạch xã hội

Trong này bao gồm các kế hoạch chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp, kế hoạch cho các nghĩa vụ xã hội...

1.2.5. Ý nghĩa và vai trò của kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Trong điều kiện nền kinh tế XHCN, các tổ chức xây lắp đều phải hoạt động theo một kế hoạch nhất định

Kế hoạch của các doanh nghiệp xây lắp (Doanh nghiệp, Công ty, Liên hiệp, Tổng công ty v.v...) được lập nên nhằm mục tiêu sử dụng một cách hợp lý nhất toàn bộ giá trị tài sản mà Nhà nước giao cho doanh nghiệp trực tiếp quản lý để phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế xã hội, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá và dịch vụ cần thiết cho xã hội, tạo nguồn thu ngày càng lớn cho ngân sách quốc gia và cải thiện từng bước đời sống công nhân viên chức. Trong phạm vi của xã hội giao thông các mục tiêu ấy phải thể hiện cụ thể ở khối lượng lớn các công trình cầu đường đã xây dựng xong với chất lượng cao thích ứng với yêu cầu vận chuyển hàng hoá và khách hàng, ở hiệu quả của sản xuất xây lắp và hiệu quả của nền sản xuất xã hội do các công trình giao thông mang lại, phục vụ tốt nhất cho giao lưu kinh tế của đất nước

Theo những mục tiêu ấy, kế hoạch của doanh nghiệp không đơn thuần là kế hoạch sản xuất. Nó cũng không chỉ là kế hoạch kinh doanh thuần túy, càng không phải chỉ là các giải pháp kỹ thuật đơn thuần hoặc một vài biện

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

pháp xã hội riêng rẽ. Kế hoạch của doanh nghiệp phải là kế hoạch tổng hợp của những vấn đề kinh tế, kỹ thuật, tài chính, xã hội...

Kế hoạch sản xuất trước hết phải được bảo đảm bằng kế hoạch giải quyết các biện pháp kỹ thuật như kế hoạch khoa học kỹ thuật, kế hoạch cơ giới hoá, kế hoạch đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công nhân v.v... ở góc độ này kế hoạch của doanh nghiệp mang nội dung là kế hoạch sản xuất - kỹ thuật.

Sản xuất và kỹ thuật phải được bảo đảm bằng kế tài chính . Doanh nghiệp không chỉ lập kế hoạch hiện vật mà còn có kế hoạch giá trị. Cân đối giữa kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị là một đảm bảo cho sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường. Muốn vậy doanh nghiệp phải có các kế hoạch tương ứng về sử dụng vốn cố định, kế hoạch tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động, kế hoạch giá thành, lợi nhuận, tín dụng ngân hàng v.v... ở đây kế hoạch của doanh nghiệp có nội dung mới là kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính.

Kế hoạch của doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở các nội dung trên. Kinh tế bao giờ cũng gắn liền với những vấn đề xã hội. Trong kinh doanh hiện đại, sự thành bại của các doanh nghiệp lớn, nhỏ nhiều khi lại do cách giải quyết các vấn đề xã hội quyết định. Do vậy mỗi doanh nghiệp phải đưa vào kế hoạch những vấn đề xã hội để đồng bộ giải quyết. Những vấn đề về tăng thu nhập thực tế, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, tăng phúc lợi công cộng về nhà ở, y tế, dịch vụ ăn uống v.v... đều là những vấn đề trọng yếu trong kế hoạch của doanh nghiệp .

Tóm lại dù cho lúc này lúc khác có những thay đổi về cơ chế, về phương pháp, nhưng nội dung cốt lõi của kế hoạch của doanh nghiệp bao giờ cũng bao gồm các vấn đề về sản xuất, kỹ thuật, tài chính và xã hội

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Trong điều kiện cơ chế mới, mỗi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch ngắn hạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

Quán triệt các mục tiêu của kế hoạch, quán triệt nội dung tổng hợp của kế hoạch, hàng năm các doanh nghiệp xây dựng giao thông đều xây dựng kế hoạch của mình với nhiều nội dung, nhiều tầng nấc, nhưng lại hoà hợp và thống nhất với nhau

Dạng chung nhất, kế hoạch hàng năm của doanh nghiệp bao gồm các bộ phận gắn bó chặt chẽ với nhau sau đây:

- Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
- Kế hoạch vật tư - kỹ thuật
- Kế hoạch lao động và tiền lương
- Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản
- Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật
- Kế hoạch tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm
- Kế hoạch lợi nhuận, tài chính và tín dụng
- Kế hoạch đời sống, văn hoá, xã hội

Trong hệ thống các kế hoạch kể trên, kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là kế hoạch khởi đầu, là cơ sở của mọi kế hoạch khác của doanh nghiệp. Nó phản ánh toàn bộ quá trình sản xuất từ mọi nguồn cân đối vật tư, tiền vốn do doanh nghiệp huy động được và toàn bộ hoạt động tiêu thụ sản phẩm, bàn giao công trình cho tất cả các khách hàng, các chủ đầu tư của doanh nghiệp kể cả xuất khẩu cũng như các hoạt động bảo hành, dịch vụ kỹ thuật, bán sản phẩm mẫu v.v...

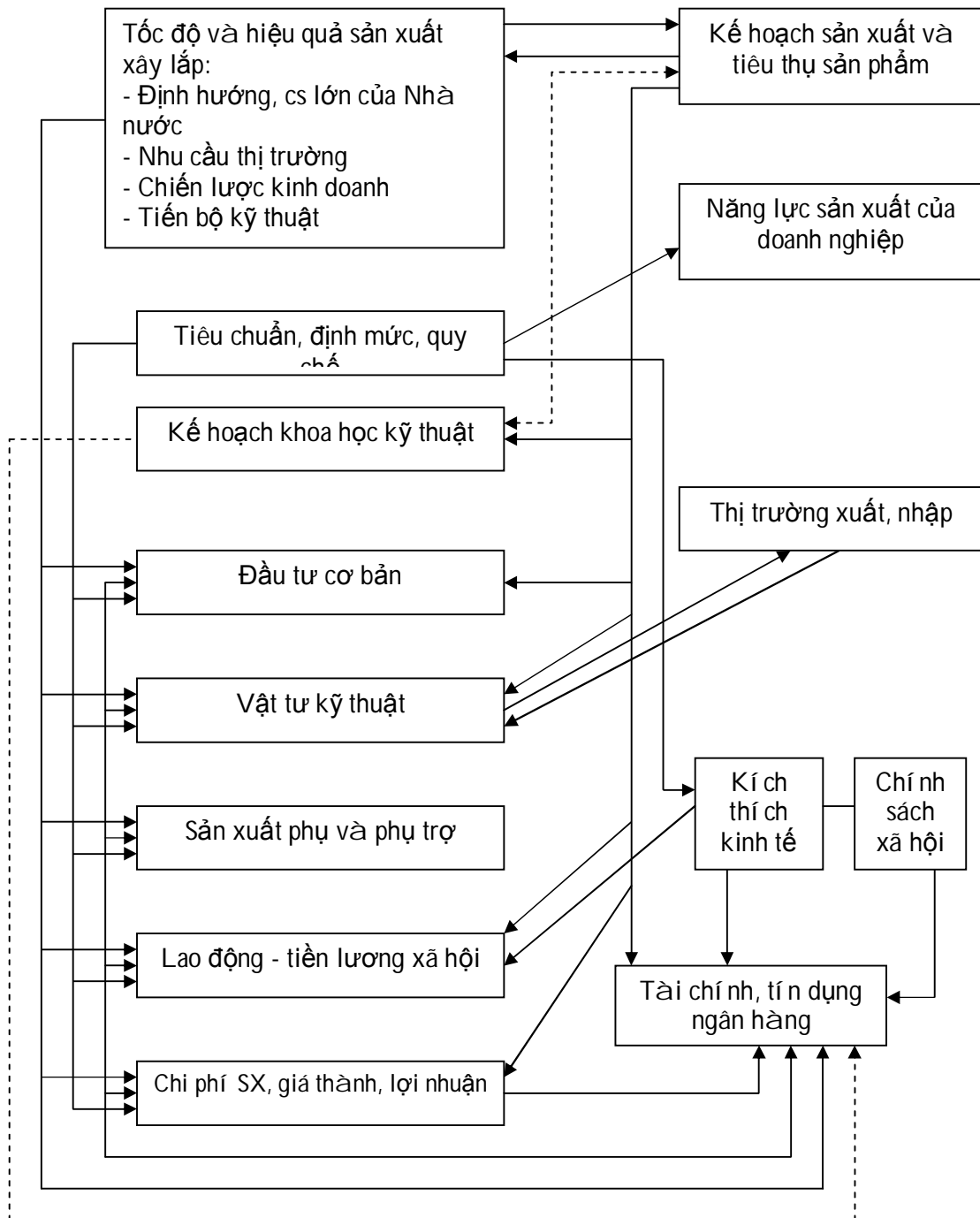
Mọi kế hoạch đều được xây dựng và thực hiện trong khuôn khổ của một giới hạn thời gian nhất định. Trên góc độ này kh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm biểu thị nhiệm vụ và chương trình sản xuất của doanh nghiệp xây dựng

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

giao thông trong một kỳ kế hoạch là một năm. Nó vừa là mục tiêu phấn đấu vừa là phương tiện để đạt tới mục tiêu.

Trên phương diện quản lý: kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là tiêu điểm phản ánh tập trung các mối quan hệ kinh tế - sản xuất giữa các phân hệ trong xã hội và giữa xã hội với các pháp nhân hệ thống ngoài doanh nghiệp. Tất cả các mối quan hệ kinh tế, tài chính, lao động, tổ chức v.v... đều được bắt nguồn từ kế hoạch này

QUAN HỆ GIỮA KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM VỚI CÁC KẾ HOẠCH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP



Ở góc độ khác cần khẳng định rằng: trong nền kinh tế hàng hoá việc hoạch định được kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho từng năm chứng tỏ doanh nghiệp có uy tín với khách hàng và đó là một sự đảm bảo cho việc

tồn tại và sản phẩm của doanh nghiệp . Điều đó cũng khẳng định vai trò lớn lao của loại kế hoạch này trong sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.6. Phương pháp lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

1.2.6.1. Những căn cứ để lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp

Khi xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp cần đưa vào các căn cứ sau :

a. Nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao

Các công trình giao thông thuộc về hệ thống cơ sở hạ tầng của nền kinh tế quốc dân, Nhà nước là người thay mặt xã hội đầu tư xây dựng các công trình này. Kế hoạch mà Nhà nước giao cho doanh nghiệp (dưới hình thức chỉ tiêu pháp lệnh trực tiếp hoặc cho dự thầu) phải được coi là cơ sở đầu tiên của kế hoạch của doanh nghiệp. Ngược lại đối với các doanh nghiệp xây dựng giao thông thì việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng các công trình do Nhà nước giao là nguồn sống chính của doanh nghiệp . Do vậy, ưu tiên số một trong cân đối kế hoạch hoặc chương trình sản xuất của doanh nghiệp phải giành cho các công trình trong kế hoạch Nhà nước.

Đi đôi với nhiệm vụ kế hoạch mà Nhà nước giao cho doanh nghiệp , các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, các chính sách, các phương án quy hoạch của ngành, những thông tin, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp v.v... đều là những căn cứ quan trọng để lập kế hoạch sản xuất

b. Nhu cầu thị trường

Nếu như kế hoạch kinh tế quốc dân là kế hoạch định hướng, kế hoạch chỉ đạo do Nhà nước xây dựng thì kế hoạch sản xuất - tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp là kế hoạch kinh doanh, kế hoạch làm ăn - do vậy kế hoạch sản xuất tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp phải bám sát nhu cầu của xã hội về loại công trình mà doanh nghiệp có thể thực hiện được. Nói

các khác kế hoạch của doanh nghiệp phải gắn với thị trường, phải coi thị trường là đối tượng, là căn cứ của mình.

Cũng trên yêu cầu này tính nhạy bén, tính thích ứng của kế hoạch phải thể hiện ở chỗ nó được xây dựng trên cơ sở cái mà doanh nghiệp có thể làm được.

Đằng sau những sôi động và đa dạng của thị trường luôn tiềm ẩn những cái tĩnh hơn, cụ thể hơn của nó, đó là khả năng ký kết các hợp đồng để thoả mãn các nhu cầu xây dựng, ở đây hợp đồng kinh tế đã ký kết được chính là hiện thân của nhu cầu thị trường và phải được coi là căn cứ, là xuất phát điểm của kế hoạch của doanh nghiệp phải được hiện thực hoá, được bảo đảm bằng cam kết của khách hàng thông qua hợp đồng. Nó là công cụ pháp lý ràng buộc các chủ kinh doanh trong quá trình thực hiện kế hoạch

c. Chiến lược kinh doanh

Trong điều kiện cơ chế kinh tế mới, mỗi doanh nghiệp xây lắp đều có quyền tự chủ trong xây dựng các kế hoạch của mình. Ngày nay không chỉ Nhà nước mới có chiến lược. Bản thân mỗi doanh nghiệp cũng cần có chiến lược kinh doanh của mình. Chiến lược kinh doanh là định hướng làm ăn lâu dài, là cơ sở để tổ chức sản xuất kinh doanh, khắc phục những mất cân đối lớn, hao hụt. Chính ở chiến lược kinh doanh mà doanh nghiệp tìm thấy lời giải cho câu hỏi mục tiêu lâu dài của doanh nghiệp là gì? Doanh nghiệp sẽ làm gì, quy mô doanh nghiệp đến đâu? Những đảm bảo cho thực hiện mục tiêu, những phương tiện để đạt được mục tiêu là gì.

Chiến lược kinh doanh phải là căn cứ, là định hướng cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm

d. Năng lực sản xuất của doanh nghiệp

Mỗi doanh nghiệp đều được trang bị một lực lượng lao động có tay nghề cùng nhiều máy thi công và các máy móc thiết bị khác để thực hiện nhiệm vụ xây lắp của mình. Lực lượng ấy với một quy trình thi công khoa

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

học, với trình độ tổ chức sản xuất tiên tiến sẽ sản xuất ra một khối lượng sản phẩm (hoặc giá trị sản phẩm) lớn nhất trong một năm. Đó chính là năng lực sản xuất của doanh nghiệp (ứng với một cơ cấu công tác xây lắp nhất định).

Kế hoạch của doanh nghiệp phải được xây dựng trên cơ sở năng lực sản xuất của mình.

Năng lực sản xuất của doanh nghiệp không phải là cố định. Nó luôn biến động từng năm cùng với quá trình khai thác máy móc - thiết bị hiện có, cùng với quá trình đổi mới và hiện đại hoá máy móc thiết bị, cùng với quá trình biến độ lao động kỹ thuật trong doanh nghiệp. Chính vì vậy kế hoạch sản xuất hàng năm phải được cân đối với năng lực sản xuất hiện có lẽ hành, máy móc thiết bị tiền vốn của từng năm tương ứng và khả năng phát triển NLSX của doanh nghiệp trong kỳ kế hoạch

e. Các căn cứ khác

Cùng với những căn cứ chủ yếu trên đây, trong khi lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, còn phải dựa vào kết quả và kinh nghiệm sản xuất của năm trước, dựa vào các tiêu chuẩn, các định mức của Nhà nước, dựa vào các hồ sơ thiết kế Dự toán của từng công trình để tính toán

Khi dựa vào kết quả sản xuất và kinh nghiệm của năm trước cần đặc biệt chú ý tới khối lượng dở dang từ năm trước chuyển sang. Khối lượng này bằng lượng chênh lệch giữa tổng giá trị dự toán với tổng giá trị đã thực hiện

Đối với các công trình khởi công mới và khối lượng thi công lớn phải thi công trong nhiều năm thì việc lập kế hoạch sản xuất phải căn cứ vào kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp, thời hạn huy động các hạng mục và sử dụng, thời hạn xây dựng không chế hoặc định mức % khối lượng công tác gói đầu của từng loại công trình mà tính ra được khối lượng công tác gói đầu năm kế hoạch

1.2.6.2. Nhiệm vụ và nguyên tắc lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Nhiệm vụ chung của kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là:

a. Đảm bảo thoả mãn nhu cầu của xã hội thể hiện trong nhiệm vụ Nhà nước giao và các hợp đồng kinh tế đã ký kết

b. Khai thác triệt để mọi nguồn tiềm năng của bản thân doanh nghiệp và các nguồn tiềm năng do liên doanh liên kết mang lại để một mặt thoả mãn nhu cầu xã hội mặt khác dần dần mở rộng quy mô kinh doanh theo đúng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

c. Đảm bảo thu được lợi nhuận, tăng bước tăng tích lũy cho doanh nghiệp

Nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng năm của doanh nghiệp xây dựng giao thông là:

- Xác định danh mục các công trình, hạng mục công trình sẽ thi công, danh mục các công trình và hạng mục công trình cần hoàn thành bàn giao trong năm kế hoạch

- Xác định khối lượng công tác xây lắp và giá trị sản lượng xây lắp sẽ thực hiện và sẽ hoàn thành bàn giao

- Cân đối các nguồn tài nguyên, bố trí hợp lý lực lượng xây lắp nhằm tập trung thi công dứt điểm, đưa nhanh công trình vào khai thác, thực hiện các mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (thể hiện các chỉ tiêu tổng hợp về lao động, vật tư, tiền vốn, lợi nhuận v.v.. định hướng cho các kế hoạch khác trong kế hoạch toàn diện của doanh nghiệp).

Ngoài những nhiệm vụ kể trên, trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp cần đồng thời tiến hành các công việc sau:

- Nghiên cứu các định hướng lớn, các cs lớn của Nhà nước trong từng kỳ kế hoạch, làm cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp bám

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

sát kế hoạch chung của Nhà nước, của ngành, phù hợp với pháp luật hiện hành

- Thực hiện tiếp cận thị trường, thường xuyên nắm chắc quy luật cung cầu, phát hiện kịp thời những nhu cầu xã hội để hoạch định và điều chỉnh kế hoạch cho sát thực tiễn

- Nắm chắc và định kỳ xác định lại năng lực hiện có của doanh nghiệp để lập và điều chỉnh kế hoạch, đảm bảo tính hiệu quả của sản xuất - kinh doanh

- Nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khác có liên quan để rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch sản xuất có khả năng công trình hơn và có hiệu quả hơn

Những công việc này thuộc nhiệm vụ của cơ quan kế hoạch của doanh nghiệp.

Trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch, doanh nghiệp phải tuân theo các nguyên tắc chung của kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân và kế hoạch hoá xây dựng cơ bản đã trình bày ở phần trước. Đồng thời tùy điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp công tác kế hoạch phải quán triệt những điều có tính *nguyên tắc* sau đây:

- Tập trung dứt điểm từng công trình, hạng mục công trình, không phân tán lực lượng

- Đảm bảo, cân đối giữa năng lực sản xuất của doanh nghiệp (có xét đến liên doanh liên kết) với nhiệm vụ sản xuất

- Đảm bảo tính hài hoà ăn khớp giữa các bộ phận, các khâu trong doanh nghiệp ; giữa sản xuất chính và sản xuất phụ, giữa doanh nghiệp và đội, giữa khâu chính và khâu phụ v.v..

- Kế hoạch phải được xây dựng theo nguyên tắc nhiều phương án, đảm bảo tính thích ứng cao của kế hoạch

- coi trọng các quan hệ phối hợp với chủ đầu tư ngay từ khi công trình mới được duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật. Duy trì tốt các quan hệ ngang với các tổ chức xây dựng khác cũng tham gia xây dựng công trình

- Đảm bảo khối lượng công tác gởi đầu cuối kỳ kế hoạch

1.2.6.3. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất

Chỉ tiêu kế hoạch là một khái niệm rộng và khả biến. Tùy theo nhu cầu và cơ chế quản lý, số lượng các chỉ tiêu kế hoạch, trước hết là các chỉ tiêu pháp lệnh (thể hiện ở các công trình nhà nước trực tiếp giao hoặc các công trình nhà nước mà công ty thắng thầu), có thể thay đổi trong một hoặc nhiều chỉ tiêu.

Việc lựa chọn đúng chỉ tiêu pháp lệnh và hệ thống các chỉ tiêu tính toán sẽ có tác động trực tiếp tới quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có ảnh hưởng lớn tới việc áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý. Nói chung số lượng chỉ tiêu pháp lệnh càng nhiều, càng chi tiết thì quyền của doanh nghiệp càng bị thu hẹp, tính tập trung càng cao

Từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung chuyển sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước XHCN hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh đã có những thay đổi rất lớn. Hiện nay theo quy định của Chính phủ về các chính sách đổi mới kế hoạch hoá và hạch toán kinh doanh XHCN đối với các doanh nghiệp, các chỉ tiêu pháp lệnh đối với các doanh nghiệp xây lắp chỉ gồm từ 1 đến 3 chỉ tiêu sau đây:

- Danh mục công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao
- Giá trị sản lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu
- Các khoản nộp ngân sách

Trong phạm vi của kế hoạch sản xuất các chỉ tiêu chủ yếu sẽ là:

** Các chỉ tiêu về danh mục công trình:*

- Danh mục công trình và hạng mục công trình chuyển tiếp (gồm chuyển tiếp từ năm cũ sang và chuyển tiếp từ kế hoạch sang năm sau).
- Danh mục công trình và hạng mục công trình sẽ hoàn thành bàn giao trong năm kế hoạch

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Danh mục các công trình và hạng mục công trình sẽ hoàn thành bàn giao trong năm kế hoạch

* Các chỉ tiêu về khối lượng công tác xây lắp tính bằng hiện vật như số kilômet đường các loại, số mét cầu các loại, khối lượng công tác xây lắp từng loại v.v...

* Năng lực chủ yếu sẽ bàn giao trong năm

* Các chỉ tiêu về giá trị sản lượng:

- Giá trị sản lượng xây lắp đã thực hiện
- Giá trị sản lượng xây lắp đã được nghiệm thu - thanh toán
- Giá trị sản lượng các hoạt động khác
- Giá trị tổng sản lượng v.v...

1.2.6.4. Nội dung và trình tự lập kế hoạch sản xuất

Theo trình tự xây dựng cơ bản, việc xây lắp các công trình chỉ được tiến hành khi làm tốt công tác chuẩn bị xây dựng. Nhiệm vụ sản xuất của doanh nghiệp chỉ có thể được ghi vào kế hoạch hàng năm khi các công việc trên đã kết thúc hoặc triển vọng kết thúc

Dựa vào những tiền đề trên đây, công tác lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp cần được tiến hành theo một trình tự sau đây

Bước 1: căn cứ và nhiệm vụ được giao và các hợp đồng đã ký kết lập bảng danh mục và tiến độ thi công các công trình và hạng mục công trình trong năm

Bảng này cần phản ánh rõ tên công trình, hạng mục công trình đã thi công trong năm trước và sẽ hoàn thành bàn giao trong năm kế hoạch; tên công trình hạng mục công trình khởi công trong năm, hoàn thành bàn giao trong năm; trên công trình, hạng mục công trình chuyển tiếp sang năm kế hoạch sau. Ứng với mỗi loại công trình trên đây cần ấn định rõ thời gian khởi công và kết thúc

Dạng chung của bảng danh mục này có thể mô tả như sau

BẢNG DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 200..

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Bảng số.....

Thứ tự loại công trình	Tên công trình, hạng mục công trình (cả lý trình nếu có)	Kỳ trước	Kỳ kế hoạch (theo tháng...)												Kỳ sau	Ghi chú
I- Công trình sẽ hoàn thành và bàn giao trong năm kế hoạch. Trong đó																
a. Công trình khởi công từ năm trước																
1-	Công trình A	T6														
2-	Công trình B	T7														
3-	Hạng mục CTC	T10														
b. Công trình khởi công trong năm																
1-	Công trình D															
2-	Công trình E															
II. Các công trình chuyển tiếp sang kỳ kế hoạch sau. Trong đó:																
a. Khởi công từ kỳ trước																
1-	Công trình F	T7													T5	
2-	Công trình H	T9													T10	
b. Khởi công trong năm kế hoạch																
1-	Công trình I														T8	
2-	Công trình K														T3	

Bước 2: trên cơ sở danh mục các công trình thi công trong năm, dựa vào các hồ sơ thiết kế - dự toán tiến hành tính khối lượng công tác xây lắp phải làm trong kỳ kế hoạch

Ở đây cần tính tổng khối lượng công tác xây lắp cần làm trong năm kế hoạch, trong đó tách riêng phần khối lượng công tác xây lắp của các công trình trọng điểm, công trình cần hoàn thành bàn giao trong năm

Dạng chung của bảng tính toán này có thể mô tả như sau

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY LẮP CHỦ YẾU BẰNG HIỆN VẬT

Bảng số...

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện kỳ trước	Khối lượng năm kế hoạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Bê tông mác...	m ³			
2	Đào đắp đất	m ³			
3	Cốt thép trong bê tông	Tấn			

Trên cơ sở khối lượng công tác xây lắp chủ yếu bằng hiện vật trên đây, dựa vào bảng danh mục các công trình và hạng mục công trình thi công trong

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

năm và dự toán được duyệt tiến hành phân khai kế hoạch cho các quý trong năm theo mẫu sau:

PHÂN KHAI KẾ HOẠCH CHO CÁC QUÝ TRONG NĂM

Đơn vị: 1000đ

Số TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV	
					KL	KP	KL	KP	KL	KP	KL	KP

Bước 3: Tính toán lập bảng năng lực chủ yếu bàn giao trong năm kỹ thuật

Đơn vị tính năng lực sản xuất ở bảng này lấy theo các đơn vị thích ứng với từng loại công trình

Dạng chung của bảng năng lực chủ yếu bàn giao hàng năm được mô tả như sau

BẢNG NĂNG LỰC CHỦ YẾU BÀN GIAO TRONG NĂM

Bảng...

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm ...	Kế hoạch năm...	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Nhà cửa	m ³			
	...				
	...				
II	Kho tàng				
	...				
	...				
III	Vật kiến trúc				
	...				
	...				
IV	Năng lực khác				
	...				
	...				

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Bước 4: Tính giá trị sản lượng các loại công tác xây lắp

Đây là một bước quan trọng trong việc lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp xây lắp

Mục tiêu cần đạt được trong bước này là xác định giá trị sản lượng xây lắp sẽ thực hiện trong năm kế hoạch. Trong quá trình tính toán cần phân định rõ giá trị sản lượng công tác xây lắp các công trình chuyển tiếp và của các công trình mới khởi công trong năm

Phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản lượng xây lắp sẽ được trình bày tỉ mỉ trong mục 1.2.7 của chương này

Kết quả tính toán có thể đưa vào bảng tổng hợp có dạng sau đây.

BẢNG GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG CÁC LOẠI CÔNG TÁC XÂY LẮP

Bảng...

Chỉ tiêu	Ước thực hiện năm	Kế hoạch năm	Nhịp độ phát triển	Chi chú
1	2	3	4	5
1. Giá trị sản lượng xây lắp a. Giá trị sản lượng xây dựng - Giá trị sản lượng xây dựng xong - Chênh lệch giữa đầu năm và cuối năm của sản lượng xử lý b. Giá trị sản lượng lắp đặt thiết bị máy móc - Giá trị sản lượng lắp đặt thiết bị máy móc xong - Giá trị chênh lệch đầu năm và cuối năm của sản lượng lắp đặt thiết bị máy móc 2. Giá trị sản lượng xây lắp các công trình và hạng mục công trình hoàn thành cần bàn giao Trong đó giá trị sản lượng xây lắp các				

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

công trình hoàn thành bàn giao toàn bộ				
--	--	--	--	--

Sau khi lập bảng trên đây, sử dụng các kết quả của các bước trước, tiến hành lập bảng tổng hợp theo mẫu sau.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG NĂM XÂY LẬP

Bảng...

Số TT	Tên công trình, hạng mục công trình	Cơ quan chủ quản công trình	Thời gian thi công		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Vốn đầu tư			Ước thực hiện từ khi khởi công đến 31/12 năm báo cáo						Kế hoạch năm ...		
			Khởi công	Hoàn thành			Tổng số	Xây lắp	Trong đó xây dựng	Giá trị sản lượng xây lắp				Năng lực mới dự tính được bàn giao		Giá trị SLXL		Năng lực mới dự tính được bàn giao
										Tổng số	Riêng năm báo cáo	Trong đó XL		Tổng số	Riêng năm báo cáo	Tổng số	Trong đó xây	
												Tổng số	Riêng năm báo cáo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

Bước 5: Tính giá trị sản lượng các hoạt động khác

Ở bước này, căn cứ vào khả năng của doanh nghiệp cần tính giá trị sản lượng công nghiệp, giá trị sản lượng vận tải và giá trị sản lượng các hoạt động khác

Phương pháp tính một số các hoạt động này sẽ trình bày ở mục III của chương này

Kết quả tính toán được đưa vào bảng có dạng giống như bảng giá trị sản lượng các loại công tác xây lắp ở bước 4 trên đây

Bước 6: Tính tổng giá trị sản lượng năm kế hoạch bằng cách tổng hợp các kết quả tính toán của bước 4 và bước 5

Bước 7: Ước tính các chi tiết vật tư, tiền vốn, lao động, lợi nhuận, nộp ngân sách

Căn cứ vào kết quả tính toán giá trị tổng sản lượng, căn cứ vào tiến độ và khối lượng xây lắp các công trình trong năm kế hoạch cần tính toán các chỉ tiêu về lao động vật tư, tiền vốn, lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách. Những tính toán ở đây chỉ mang tính chất tổng quát, định hướng và làm tiền đề cho việc lập các kế hoạch tương ứng sau.

1.2.6.5. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp

a. Quan niệm về tiêu thụ sản phẩm

- Tiêu thụ sản phẩm là khâu lưu thông hàng hoá, là khâu cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và một bên là tiêu dùng. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất bao gồm hai loại các quá trình và các nghiệp vụ liên quan đến sản phẩm: các nghiệp vụ kỹ thuật, sản xuất; các nghiệp vụ kinh tế - tổ chức và kế hoạch

Để thực hiện các nghiệp vụ và các quá trình liên quan đến giao nhận và xuất bản sản phẩm đòi hỏi phải tổ chức hợp lý không chỉ lao động trực tiếp ở các kho hàng mà còn phải tổ chức tốt công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu nhu cầu về các loại sản phẩm của doanh nghiệp (bao gồm cả việc

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

đặt hàng sản xuất, ghép nối trong mua bán). Công việc này do các cán bộ phân tích kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện.

- Như vậy quan niệm về tiêu thụ sản phẩm là tổng thể các biện pháp về mặt tổ chức kinh tế và kế hoạch nhằm thực hiện việc nghiên cứu và nắm nhu cầu thị trường, tổ chức sản xuất, tiếp nhận sản phẩm, chuẩn bị hàng hoá và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng với chi phí kinh doanh nhỏ nhất.

Những nguyên tắc cơ bản trong tiêu thụ sản phẩm là:

- Nhận thức và thoả mãn đầy đủ nhu cầu của khách hàng
- Bảo đảm tính liên tục trong quá trình tiêu thụ sản phẩm
- Tiết kiệm và nâng cao trách nhiệm của các bên trong quan hệ tm

b. Tiêu thụ sản phẩm ở doanh nghiệp xây lắp

Bản chất của kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp là tìm mọi biện pháp để hoàn thành công trình có chất lượng và bàn giao cho chủ công trình đúng hạn như quy định trong hợp đồng xây dựng, phù hợp với các thủ tục, chế độ về nghiệm thu bàn giao công trình của Nhà nước

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất và các hợp đồng đã ký kết, doanh nghiệp lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và thu hồi vốn sản xuất của mình

Mẫu chung của biểu kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và thu hồi vốn sản xuất của doanh nghiệp như sau

Biểu kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và thu hồi vốn sản xuất năm...

Số TT	Công trình, hạng mục công trình	Kế hoạch bàn giao Ngày, tháng....	Giá trị sản lượng bàn giao (1000đ)
1			
2			
3			

Luật Xây dựng (2003) và Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản pháp lý liên

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

quan khác thì việc nghiệm thu - bàn giao phải thực hiện theo các yêu cầu sau:

- Việc nghiệm thu và bàn giao giữa chủ đầu tư và các tổ chức xây lắp phải làm từ đầu, ngay sau khi làm xong từng khối lượng công việc chủ yếu, từng bộ phận công trình và khi đã hoàn thành từng hạng mục công trình hay toàn bộ công trình theo tiến độ đã được duyệt.

- Công tác nghiệm thu bàn giao do Hội đồng nghiệm thu cơ sở tiến hành gồm: đại diện chủ đầu tư, các tổ chức nhận thầu thiết kế, xây lắp, chế tạo thiết bị, cơ quan giám định của Nhà nước tạ cơ sở (nếu có) và do chủ đầu tư chủ trì. Thủ tướng Chính Phủ sẽ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu của Nhà nước và giao cho Bộ Xây dựng tổ chức việc nghiệm thu đối với một số công trình đặc biệt quan trọng.

- Thực hiện tạm ứng ít nhất 30% khối lượng thực hiện trong năm đối với những doanh nghiệp xây lắp

Nội dung chính của biên bản nghiệm thu bao gồm:

- *Căn cứ để nghiệm thu:*

- + Dự án được duyệt
- + Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công được duyệt
- + Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp
- + Nhật ký công trình

- *Nội dung nghiệm thu*

- + Khối lượng thực hiện
- + Thông số kỹ thuật của hoạt động không tải và có tải của thiết bị yêu cầu.

- + Diện tích sử dụng theo hợp đồng kinh tế
- + Chất lượng công trình
- + Thời gian khởi công và hoàn thành
- + Các vấn đề tồn tại và biện pháp xử lý

Nguyên tắc thanh toán giữa chủ đầu tư và tổ chức xây lắp là thanh toán theo sản phẩm hoàn thành, bàn giao tính theo hạng mục công trình hoặc công trình, căn cứ thanh toán là biên bản của Hội đồng nghiệm thu cơ sở.

Sau khi nghiệm thu, bàn giao công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán với tổ chức nhận thầu xây lắp theo đúng hợp đồng. Khi đến thời điểm thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, nếu chủ đầu tư không có vốn thì phải trả thêm cho bên nhận thầu khoản tiền bằng lãi suất ngân hàng với phần giá trị chậm thanh toán. Nếu do ngân hàng chậm thanh toán thì ngân hàng phải trả khoản lãi này

Các công trình tổ chức đấu thầu được thanh toán theo tiến độ tháng, mức thanh toán hàng tháng căn cứ vào giá trị khối lượng theo tiến độ tháng và các điều khoản cụ thể ghi trong hợp đồng kinh tế. Sau khi nghiệm thu toàn bộ và nhận bàn giao công trình, bên A thanh toán giá trị còn lại. Với công trình giao thầu thì kê khai phiếu giá khi thanh toán.

1.2.7. Giá trị tổng sản lượng

Tổng sản lượng kế hoạch của doanh nghiệp xây dựng là toàn bộ khối lượng công tác xây lắp và khối lượng của các hoạt động khác bằng hiện vật mà doanh nghiệp sẽ thực hiện trong thời kỳ kế hoạch nhất định (thường là một năm).

Tổng sản lượng kế hoạch của doanh nghiệp xây lắp bao gồm:

- Sản lượng xây lắp
- Sản lượng của các hoạt động khác

Giá trị tổng sản lượng là sự biểu thị bằng tiền của tổng sản lượng trong thời kỳ tương ứng...

Hoàn toàn tương tự, ta có khái niệm "giá trị sản lượng xây lắp" và khái niệm "giá trị sản lượng các hoạt động khác".

1.2.7.1. Phương pháp tính giá trị sản lượng xây lắp

a. Nội dung giá trị sản lượng xây lắp

Giá trị sản lượng xây lắp bao gồm:

- + Giá trị sản lượng xây dựng
- + Giá trị sản lượng lắp đặt thiết bị, máy móc
- + Giá trị sản lượng sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc

Giá trị sản lượng xây dựng bao gồm:

- Giá trị sản lượng xây dựng mới, mở rộng, khôi phục lại nhà cửa, vật kiến trúc có tính chất lâu dài và tạm thời. Giá trị cấu trúc đúc sẵn, làm sàn bằng kim loại, bê tông, gỗ dùng làm một bộ phận của nhà cửa, vật kiến trúc... có ghi trong dự toán và phù hợp với kế hoạch thi công.

- Giá trị các thiết bị vệ sinh, thông gió, chiếu sáng, truyền hơi ẩm (kể cả chi phí lắp đặt, sơn mạ) cần thiết để bảo đảm cho công trình hoạt động bình thường theo đúng chức năng của nó.

- Giá trị đặt nền móng và vật chống đỡ các thiết bị, máy móc, sản lượng xây trát bên trong, bên ngoài các lò đặc biệt: lò luyện thép, lò hơi, nhà máy điện.

- Giá trị bản thân và chi phí đường ống nước, đường ống dẫn nước, hơi ép, ống dẫn dầu và tháo nước có ghi trong đồ án thiết kế (không bao gồm những đường ống trực thuộc máy, thiết bị có ghi trong lý lịch máy).

- Giá trị bản thân và chi phí lắp đặt đường dây điện hệ thống cấp ngầm, đường dây liên lạc, đường dây truyền thanh.

- Giá trị công trình thoát nước và dẫn nước (trong thủy lợi), giá trị lấp hồ ao, lấp móng, đào đất (trong xây dựng), giá trị đào gốc, cày bừa lượt đầu (trong khai hoang...).

- Giá trị sản lượng bố trí, dỡ bỏ vật kiến trúc, chuẩn bị mặt bằng để thi công và dọn dẹp, trồng cây sau khi xây dựng xong.

Giá trị sản lượng lắp đặt thiết bị, máy móc bao gồm:

- Giá trị sản lượng lắp đặt thiết bị, máy móc trên nền hoặc bệ máy

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Giá trị sản lượng sơn, mạ, chống ẩm cho các thiết bị máy móc đã lắp đặt.
- Giá trị sản lượng lắp đặt các bàn thợ cầu thang gắn liền với thiết bị, máy móc.
- Giá trị sản lượng đường ống, đường dây (kể cả giá trị bản thân đường ống và đường dây) nối liền thiết bị được lắp với cầu giao, bảng điện, đồng hồ đo gần nhất và có ghi trong bản thiết bị, máy móc.
- Giá trị sản lượng chạy thử nhằm xác định chất lượng công tác lắp đặt thiết bị, máy móc.

Giá trị sản lượng sửa chữa vật kiến trúc. Bao gồm:

Chi phí tiền lương của công nhân trực tiếp sửa chữa; chi phí mua sắm nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế ở bên ngoài dùng cho việc sửa chữa; chi phí về khấu hao thiết bị, máy móc dùng cho sửa chữa; chi phí quản lý hành chính và phục vụ cho sửa chữa.

b. Phương pháp tính giá trị sản lượng xây lắp

Sản phẩm của ngành xây dựng thường phải thi công trong thời gian tương đối dài, vì vậy căn cứ vào mức độ hoàn thành, giá trị sản lượng xây lắp năm kế hoạch bao gồm: giá trị sản lượng xây lắp xong được bên A xác nhận (còn gọi là giá trị xây lắp hoàn thành đến giai đoạn quy ước) và giá trị chênh lệch giữa cuối năm và đầu năm kế hoạch của sản lượng xây lắp dở dang:

Giá trị sản lượng; xây lắp năm KH =
Giá trị sản lượng XL; xong trong năm KH ±
Giá trị chênh lệch; giữa cuối năm và đầu năm; của sản lượng XL; dở dang

b1. Giá trị sản lượng xây lắp xong

Giá trị sản lượng xây lắp xong được tính theo công thức:

$$Q_x = \sum(P_i \times q_i) + C + TL + GTGT$$

Trong đó:

Q_x - Giá trị sản lượng xây lắp xong

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

P_i - Đơn giá dự toán một khối lượng xây lắp thứ i

q_i - Khối lượng xử lý thứ i tính bằng hiện vật thi công xong (m^2 , m^3 , m)

C - Chi phí chung

TL - Thu nhập chịu thuế tính trước

GTGT - Thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Phương pháp xác định các chỉ tiêu như sau:

- q_i : Phải có hình dạng đo được và tính được, phải kiểm tra được chất lượng một đơn vị khối lượng và cấu tạo nên thực thể công trình.

- Chi phí chung bao gồm: chi phí quản lý và điều hành sản xuất tại công trường của doanh nghiệp xây dựng, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác. Chi phí chung được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp. Khoản chi phí này phụ thuộc từng loại công trình được xác định ở bảng 2 phụ lục số 3 của Thông tư 04/2005/TT-BXD ngày 1/4/2005 của Bộ Xây dựng.

TL: Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung theo loại công trình quy định tại bảng 2 phụ lục số 3 của Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/04/2005 của Bộ Xây dựng.

$TL = (T + C) \times$ Tỷ lệ qui định

$T = NC + VL + M + TT$ (T: Cộng chi phí trực tiếp)

$TT: 1,5\% \times (VL + NC + M)$ (TT: Trực tiếp phí khác)

GTGT: thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng theo qui định hiện hành.

$GTGT = G \times T^{XD}_{GTGT}$

G: Giá trị dự toán xây dựng công trình chính, phụ trợ, tạm phục vụ thi công trước thuế.

T^{XD}_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng.

b2. Giá trị chênh lệch giữa cuối và đầu năm kế hoạch của sản lượng xây lắp dở dang:

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Sản lượng xây lắp dở dang là sản lượng xây lắp phải thực hiện trong năm để bảo đảm quá trình thi công xây lắp liên tục theo tiến độ xây lắp, nhưng chưa đến phần việc cuối cùng của đơn giá dự toán như trát xong 1m^2 tường, đổ xong 1m^3 bê tông... chưa đủ điều kiện để bên A kiểm tra chất lượng.

Giá trị sản lượng xây lắp dở dang được tính vào giá trị sản lượng xây lắp với mức chênh lệch giữa cuối năm và đầu năm kế hoạch để tránh đem thành quả lao động của thời kỳ này tính cho thời kỳ khác

Công thức tính:

$$Q_{dd} = Q_c - Q_d$$

Trong đó:

Q_{dd} - Giá trị chênh lệch về giá trị sản lượng xây lắp dở dang giữa cuối năm và đầu năm kế hoạch.

Q_c - Giá trị sản lượng xây lắp dở dang ở cuối năm kế hoạch

Q_d - Giá trị sản lượng xây lắp dở dang ở đầu năm kế hoạch

Nếu $Q_c > Q_d$ thì chênh lệch biểu hiện bằng dấu (+) và được cộng thêm vào giá trị sản lượng. Nếu $Q_c < Q_d$ thì chênh lệch biểu hiện bằng dấu (-) và phải trừ đi mức chênh lệch đó vào giá trị sản lượng xây lắp.

Nội dung và phương pháp tính giá trị sản lượng xây lắp dở dang đầu năm kế hoạch và cuối năm kế hoạch như sau:

- Giá trị sản lượng xây lắp dở dang đầu năm kế hoạch

Giá trị sản lượng xây lắp dở dang đầu năm kế hoạch là giá trị sản lượng xây lắp dở dang cuối năm báo cáo chuyển sang xác định bằng cách lấy giá trị sản lượng xây lắp dở dang kiểm kê vào cuối tháng năm báo cáo cộng với giá trị xây lắp dở dang dự tính thi công trong 6 tháng cuối năm báo cáo trừ đi giá trị sản lượng xây lắp đã thi công xong trong 6 tháng cuối năm báo cáo.

Giá trị sản lượng xây lắp dở dang cuối năm kế hoạch: với những đối tượng đã thi công đến phần việc cuối cùng của đơn giá dự toán thì giá trị sản lượng xây lắp dở dang cuối năm kế hoạch được tính theo công thức:

$$Q = \sum (p \cdot q) + C + TL + GTGT$$

Trong đó: Q - Khối lượng xây lắp dở dang

Với những đối tượng chưa thi công đến phần việc cuối cùng của đơn giá dự toán thì ta lấy khối lượng hiện vật nhận với đơn giá phân đoạn, như đơn giá buộc 1kg cốt thép, ghép 1m² cốp pha,... Nếu không có đơn giá phân đoạn thì lấy khối lượng dở dang nhân với % lao động hao phí của từng giai đoạn hoặc động tác lắp đặt máy móc, thiết bị chiếm trong tổng số ngày công lao động hao phí cho toàn bộ các giai đoạn của khối lượng hoặc phần máy đó (tính theo ngày công hao phí định mức) để quy đổi thành khối lượng xây dựng xong rồi tính theo công thức chung ở trên.

b3. Giá trị sản lượng xây lắp các công trình và hạng mục công trình hoàn thành bàn giao

Giá trị sản lượng này là một bộ phận trong tổng số giá trị sản lượng năm kế hoạch của doanh nghiệp xây lắp. Đó chính là giá trị xây lắp trong năm kế hoạch của những công trình và hạng mục công trình đã kết thúc toàn bộ công tác xây lắp quy định trong thiết kế dự toán đã được duyệt, bảo đảm đưa vào sử dụng và được bàn giao cho đơn vị sử dụng theo đúng chế độ nghiệm thu của Nhà nước.

Không tính vào chỉ tiêu này những chi phí sau:

- Công trình và hạng mục công trình đang xây dựng dở dang.
- Các hạng mục công trình tuy đã hoàn thành nhưng kế hoạch không quy định bàn giao cho đơn vị sử dụng trước khi hoàn thành toàn bộ công trình.
- Các công trình và hạng mục công trình thực tế đã đưa vào sử dụng nhưng chưa làm xong thủ tục bàn giao theo đúng quy định của Nhà nước.

Trong giá trị sản lượng xây lắp cả công trình và hạng mục công trình hoàn thành bàn giao cần tách riêng giá trị sản lượng xây lắp các công trình hoàn thành toàn bộ bàn giao.

1.2.7.2. Giá trị sản lượng các hoạt động khác

Trong doanh nghiệp xây lắp, ngoài hoạt động kinh doanh chính là xây lắp, còn có các hoạt động kinh doanh và phục vụ khác như: sản xuất công nghiệp, sửa chữa, sản xuất cấu kiện, khai thác vật liệu xây dựng v.v...

a. Giá trị sản lượng công nghiệp

Theo các yếu tố sau:

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Yếu tố 1: Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp

$$G = \sum (q_i \times g_i)$$

Trong đó:

q_i - Số lượng thành phẩm từng loại

g_i - Đơn giá từng loại thành phẩm, được xác định theo định mức đơn giá nội bộ doanh nghiệp.

Thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp là những sản phẩm đã chế tạo xong trong năm kế hoạch, không còn qua một giai đoạn chế biến nào nữa và được kiểm tra kỹ thuật xác hợp quy cách tiêu chuẩn quy định, được nhập kho thành phẩm của doanh nghiệp để chờ bán cho các đơn vị sản xuất hoặc bán ra ngoài doanh nghiệp. Những nửa thành phẩm khi mới kết thúc một giai đoạn sản xuất nhất định nhưng nếu bán ra ngoài thì cũng coi là thành phẩm và được tính vào yếu tố này.

Những thành phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra rồi lại dùng vào những công việc có tính chất công nghiệp thì không tính vào yếu tố này mà tính vào yếu tố 3.

- Yếu tố 2: Giá trị chế biến sản phẩm cho khách hàng

+ Nếu khách hàng đặt hàng với điều kiện là toàn bộ quá trình sản xuất là doanh nghiệp tự lo thì tính như yếu tố 1.

+ Nếu nguyên vật liệu của khách hàng

$$G_i = \sum (q_i \times g_i)$$

Trong đó: G_i : giá trị chế biến sản phẩm cho khách hàng thứ i

q_i - Số lượng thành phẩm từng loại

g_i - Đơn giá gia công

- Yếu tố 3: Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp bao gồm:

+ Giá trị công việc thực hiện trong một giai đoạn ngắn của quá trình sản xuất công nghiệp, chỉ làm tăng thêm giá trị sử dụng của sản phẩm như:

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

mạ kẽm, đánh bóng, sơn... làm cho khách hàng hoặc các tổ chức phụ thuộc của doanh nghiệp ngoài sản xuất công nghiệp.

+ Giá trị công việc sửa chữa các sản phẩm công nghiệp cho khách hàng.

+ Giá trị công việc sửa chữa lớn thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải của doanh nghiệp do quỹ khấu hao đài thọ.

- Phương pháp tính trong trường hợp này giống như yếu tố 2 trong trường hợp 2.

- Nếu là công việc sửa chữa thiết bị máy móc thì căn cứ vào độ phức tạp để tính giá trị sửa chữa.

$$C = R \times M_0$$

C - Giá trị sửa chữa

R - Độ phức tạp của thiết bị sửa chữa

M₀ - Định mức giá trị sửa chữa cho một độ phức tạp

b. Doanh thu vận tải, bốc xếp

Doanh thu vận tải, bốc xếp là số tiền thu được do vận chuyển bốc xếp, cho thuê phương tiện vận tải... chỉ áp dụng với các doanh nghiệp có phương tiện độc lập và có khả năng khai thác về mặt này

$$D_t = \sum (K_i \times C_i)$$

D_t - Doanh thu vận tải

K_i - Khối lượng luân chuyển (T.km) hoặc tấn đối với bốc xếp

C_i - Đơn giá bốc xếp 1 tấn hàng hoặc cước phí vận tải của 1 đơn vị khối lượng luân chuyển (Tkm), phụ thuộc: loại hàng cấp đường.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT (COMETCO)

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT (COMETCO)

2.1.1 Nhiệm vụ và mô hình tổ chức quản lý của Công ty

Công ty Xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật (Cometco) là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI).

Công ty Cometco được thành lập ngày 9 tháng 5 năm 1997 với tên ban đầu là Công ty Kinh doanh thiết bị và Vật tư Xây dựng được thành lập theo QĐ số 293 BXD/TCLĐ của Bộ Xây dựng với mục đích nhằm đẩy mạnh sự phát triển và tăng cường sức mạnh toàn diện của Tổng Công ty với các đơn vị trong ngành Xây dựng.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07 năm 1997 với ngành nghề kinh doanh: sản xuất kinh doanh thiết bị phụ tùng, vật tư, vật liệu xây dựng, thi công nền móng, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Theo quyết định số 1371/QĐ-BXD ngày 14 tháng 12 năm 1998 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Công ty Xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật.

Sang năm 1999 do yêu cầu của sản xuất kinh doanh và quy mô phát triển đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh Công ty Cometco được bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh: Thi công các công trình cấp thoát nước, thi công các công trình đường dây, trạm biến thế điện (theo Quyết định số:

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

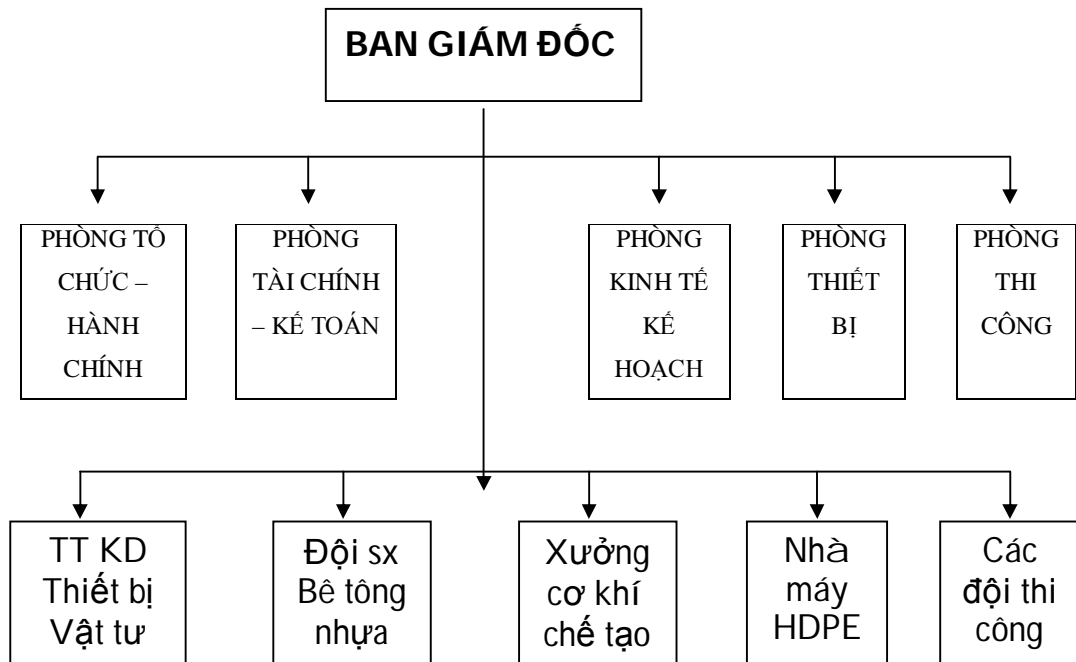
02/TCT-TCCB ngày 04 tháng 01 năm 1999 của Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng).

Địa chỉ: Toà nhà LICOGL, Đường Khuất Duy Tiên – Quận Thanh Xuân- Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- Thi công nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công các công trình giao thông;
- Thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, bưu điện;
- Thi công các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường
- Sản xuất kinh doanh thiết bị, phụ tùng vật tư vật liệu xây dựng.

Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Đội ngũ cán bộ của Công ty gồm có: 12 kỹ sư; 31 cao đẳng và trung cấp; 435 công nhân.

Ban giám đốc: Gồm một giám đốc và hai phó giám đốc. Ban giám đốc chịu trách nhiệm quản lý chung toàn công ty, xét duyệt, lập kế hoạch kinh doanh cho công ty, quyết định mọi hoạt động của công ty. Quan tâm chăm lo đến đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

Phòng tổ chức hành chính: là phòng chuyên môn, tham mưu cho giám đốc về công tác: tổ chức sản xuất, quản lý và sử dụng lực lượng cán bộ công nhân viên, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, công tác định mức trả lương sản phẩm. Công tác lễ tân tiếp khách. Đảm bảo các công việc về hành chính quản trị, bảo vệ và y tế cơ quan.

Phòng Kinh tế kế hoạch: là phòng chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu giúp giám đốc công ty tổ chức, triển khai, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch, vật tư, thiết bị, đấu thầu.

Phòng Tài vụ: thực hiện các chức năng tham mưu cho ban giám đốc về công tác tài chính, các chủ trương chính sách về quản lý tài chính, đảm nhiệm trọng trách về hạch toán, đảm bảo về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác. Xây dựng các hoạt động tài chính, kiểm tra giám sát mọi hoạt động tài chính của công ty giúp giám đốc công ty hoạch định chiến lược hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Phòng kỹ thuật thi công: Là phòng kỹ thuật, quản lý thiết kế, thi công có chức năng giúp giám đốc công ty tổ chức triển khai các công việc về công tác nghiệp vụ kỹ thuật trong thi công xây lắp, khảo sát thiết kế, quản lý công trình. Thực hiện công tác an toàn, bảo hộ lao động.

Phòng quản lý thiết bị: có chức năng quản lý, hướng dẫn thực hiện việc khai thác có hiệu quả, các thiết bị, xe máy, các dây chuyền công nghệ. Tổ chức thực hiện các công trình, quy phạm kỹ thuật trong sử dụng máy móc thiết bị.

Công ty còn có các đơn vị trực thuộc:

- Trung tâm kinh doanh thiết bị và Vật tư xây dựng (Địa chỉ: Đường Giải phóng – Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội)
- Đội sản xuất bê tông nhựa nóng (Địa chỉ: Xã Uy nhỡ- H. Đông Anh- Hà Nội)
- Xưởng cơ khí chế tạo (Khu CN Vĩnh Tuy – H. Thanh Trì - Hà Nội)
- Nhà máy sản xuất ống nhựa HDPE (Khu CN Vĩnh Tuy – Huyện Thanh Trì - Hà Nội)
- Các đội thi công trực thuộc công ty: Đội thi công Hạ tầng số 1,2,3 và Đội lắp máy điện nước số 1,2,3.

Công ty là một doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật. Công ty có 3 mảng hoạt động chính đó là: thi công các công trình hạ tầng, thi công các công trình cấp thoát nước, kinh doanh vật tư thiết bị và Bê tông nhựa. Đối với các công trình hạ tầng thì công ty thường được đảm nhận công việc san nền, làm đường nội bộ, đó là những khâu đầu tiên của một công trình xây dựng, vì vậy một yêu cầu đặt ra là những công trình mà công ty đảm nhận phải đảm bảo đúng tiến độ. Nếu không đúng tiến độ thì sẽ ảnh hưởng tới các khâu sau này của công trình.

2.1.2 Khái quát hoạt động của Công ty

a) Công tác kinh tế - kế hoạch :

Công ty đã chủ động cân đối kế hoạch hàng năm của Tổng Công ty giao. Công tác lập kế hoạch sản xuất, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch tác nghiệp, tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực chỉ đạo sản xuất và quản lý trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, quản lý đơn giá luôn được duy trì. Định mức vật tư nhiên liệu đã được thực hiện tương đối đều đặn và luôn được cải tiến phù hợp với điều kiện thực tế vừa có tác dụng tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động vừa đảm bảo mức thu nhập hợp lý cho người lao

động. Tập trung bố trí các cán bộ cốt cán có năng lực và đầu tư máy móc thiết bị, phát triển thêm nhiều đội thi công, triển khai nhiều công trình mới...

Hàng tháng Công ty đã thực hiện giao kế hoạch sản xuất cho các đội thi công. Giao định mức lao động và khoán tiền lương trong công tác làm đường, sản xuất bê tông asphalt, thi công san nền, định mức nhiên liệu cho tất cả các loại thiết bị xe máy, khoán gọn các công trình nhỏ lẻ.

Đặc biệt công tác tìm kiếm mở rộng thị trường sản xuất kinh doanh luôn được quan tâm. Bên cạnh việc mở rộng phạm vi hoạt động trên những địa bàn thi công cũ, Công ty đang dần tiếp cận các dự án trên phạm vi toàn quốc. Địa bàn của Công ty đã được mở rộng tới các tỉnh như Bắc Kạn, Lạng Sơn, Đông Anh... và đặc biệt là thị trường bán và rải asphalt.

b) Công tác thi công các công trình

*** Thi công các công trình Hạ tầng**

Công ty đã ngày càng hoàn thiện hệ thống quản lý cấp đội, cấp Công trình vì vậy công tác sản xuất đã đi vào ổn định và nhịp nhàng. Công ty đã đảm nhận thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia gây được uy tín với khách hàng như:

- Đường nội bộ khu công nghiệp Bắc Thăng Long
- Đường vận hành nhà máy thủy điện Hàm Thuận Đa nhim
- Đường nội bộ nhà máy CANON khu công nghiệp Bắc Thăng Long
- Công trình đường khu công nghiệp Vĩnh Tuy
- Công trình đường khu du lịch Tam đảo ...

Đến nay Công ty hoàn toàn vững vàng trong vận hành và thi công 2 dây chuyền làm đường đảm bảo mọi yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng cao nhất. Bên cạnh các dây truyền thi công đường chuyên nghiệp, chúng ta đã tổ chức được các tổ đội thi công tại các địa phương với biên chế gọn nhẹ nhưng chúng ta đã tự chủ và đạt hiệu quả cao như đội công trình Lạng sơn, Bắc

Kạn, Văn Lâm, Sóc trăng. Tại các công trình nhỏ lẻ này, chúng ta cũng đã khẳng định được sự trưởng thành của cán bộ quản lý, sự hoàn thiện về kỹ thuật, kinh nghiệm thi công tại các đại hình khó khăn phức tạp cả về yêu cầu kỹ thuật lẫn môi sinh xã hội.

***Thi công các công trình cấp thoát nước**

Công ty mới được bổ sung về nhiệm vụ thi công các công trình cấp thoát nước năm 2000, nhưng được sự quan tâm giúp đỡ của Tổng công ty, với sự quyết tâm phát triển ngành nước Công ty cũng đã phần nào khẳng định được vị trí của mình trên thị trường. Công ty đã thi công đạt chất lượng tốt một số công trình như:

- Cấp nước Bắc Ninh
- Thoát nước khu công nghiệp Bắc Thăng Long
- Lắp đặt hệ thống Cấp nước thị xã Quảng Bình
- Cải tạo hệ thống thoát nước Hà nội....

Ngoài ra Công ty đã tiếp cận được với các công trình có nhà đầu tư nước ngoài như dự án cải tạo vệ sinh môi trường thị xã Cẩm Phả với giá trị 61 tỷ đồng. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, máy móc, kinh nghiệm nhưng cho đến nay với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ – công nhân viên của công ty các công trình thi công đạt chất lượng tốt, gây được uy tín với chủ đầu tư và nhà tư vấn nước ngoài.

c) Công tác tài chính

Công tác tài chính đã dần dần được thực hiện quy củ hơn. Phòng Kế toán tài chính luôn thực hiện tốt chức năng tham mưu cho giám đốc trong công tác quản lý kinh tế tài chính. Cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết để lãnh đạo chỉ đạo sản xuất hiệu quả. Thực hiện báo cáo tài chính đúng quy định, đúng nội dung. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý đầy đủ đúng chế độ. Phân tích hoạt động kinh tế theo chỉ tiêu 2 lần/năm. Thực hiện phân tích hoạt động kinh doanh từng bộ phận sản xuất theo từng

loại hoạt động kinh doanh như: Hoạt động kinh doanh vật tư, hoạt động xây lắp và phân tích kết quả cho từng công trình xây lắp theo từng quý.

Cung ứng và tạo các nguồn vốn kịp thời cho sản xuất và kinh doanh trên cơ sở vốn huy động, vốn vay của Ngân hàng. Việc thu hồi công nợ cũng đã được quan tâm nhiều nên số nợ đọng đã giảm.

Công tác kiểm kê định kỳ đã được thực hiện nghiêm túc và kịp thời sửa chữa những thiếu sót.

d) Công tác quản lý thiết bị xe máy thi công

Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ thường xuyên. Kiểm tra công tác an toàn xe và công tác bảo quản xe của công nhân vận hành thiết bị. Sau kết thúc mỗi công trình tiến hành bảo dưỡng cho các thiết bị để chuẩn bị cho các công trình sau.

e) Công tác an toàn lao động

Công ty thường xuyên tổ chức cho cán bộ công nhân học tập an toàn lao động trước khi thi công tại mỗi công trình. Công ty đã cử 1 cán bộ chuyên trách về công tác an toàn trong toàn Công ty. Trong quá trình thi công luôn luôn có 1 cán bộ an toàn theo dõi.

Trang bị thiết bị bảo hộ lao động kịp thời. Công tác an toàn lao động và an toàn thiết bị đã được đề cao rút nhiều kinh nghiệm từ bài học mất an toàn cho các thiết bị của năm trước. Việc kiểm tra điều kiện lao động tại các công trình đã được chú trọng, nhất là việc trang bị bảo hộ lao động tại các Công trình Cấp thoát nước như găng tay, giày ủng, mũ áo, biển báo...

f) Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và hành chính

Công ty đã cân đối sắp xếp lại lực lượng sản xuất lao động cho phù hợp với yêu cầu và vị trí công việc. Sau một thời gian thử thách, một số cán bộ trẻ nhiệt tình và có năng lực ngày càng nổi bật. Các đồng chí cán bộ trẻ đã thể hiện được năng lực của mình, đảm nhận được những công việc lớn, khó khăn.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Công ty đã thực hiện đúng bộ luật lao động, ký hợp đồng lao động với toàn bộ công nhân viên. Kỷ luật lao động được duy trì, củng cố và xử lý nghiêm minh những cá nhân vi phạm quy định của Công ty cũng như Tổng Công ty.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn và đoàn thanh niên tổng công tác quản lý. Tổ chức hoạt động và động viên CBCNV nâng cao trách nhiệm cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty khắc phục những khó khăn chung để hoàn thành nhiệm vụ của Công ty.

Bên cạnh việc thu hút kỹ sư, công nhân ngành cấp thoát nước, chúng ta cũng đang dần tự đào tạo một đội ngũ CB- CNV, đầu tư máy móc thiết bị chuyên ngành nước để kịp thời cung cấp cho loại hình công trình này.

Công tác kỷ luật luôn luôn được duy trì trong Công ty, thường xuyên nhắc nhở và đôn đốc mọi cán bộ CNV thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy định.

Tổ chức ban thanh tra nhằm kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty kiên quyết xoá bỏ và đề cao công tác bảo vệ chống hiện tượng tham nhũng tiêu cực.

Việc chăm lo phục vụ hoạt động sản xuất luôn được duy trì đều đặn, kịp thời. Công ty đã cung cấp đầy đủ thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, không làm gián đoạn tới hoạt động sản xuất. Bộ phận phục vụ hành chính luôn nhiệt tình, tận tụy sẵn sàng phục vụ, không ngại khổ, ngại khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ chung.

Hàng năm Công ty cử một số cán bộ đi học các lớp nâng cao nghiệp vụ quản lý kinh tế, nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ cho cán bộ, nâng cao tay nghề cho công nhân. Đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ cấp đội đủ năng lực trình độ phục vụ công tác sản xuất.

g) Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật lao động

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Do yêu cầu nhiệm vụ và tiến độ thi công của các công trình trọng điểm, Công ty kết hợp với Công đoàn, đã phát động phong trào thi đua sản xuất để động viên khuyến khích CBCNV trong Công ty hoàn thành nhiệm vụ. Sau mỗi đợt thi đua Công ty đều có sự tổng kết đánh giá và khen thưởng cho những có nhân và tập thể xuất sắc.

Thường xuyên giáo dục CBCNV thi đua lao động sản xuất, tích cực chăm lo đời sống CBCNV bằng cách tạo điều kiện nơi ăn chốn ở cho công nhân ở công trường, tùy theo từng tính chất công việc Công ty thường xuyên nâng cao và tăng mức ăn ca tại hiện trường cho công nhân. Kết hợp với tổ chức Công đoàn, các quyền lợi của người lao động luôn luôn được bảo vệ và đảm bảo thực hiện đúng chính sách cũng như luật lao động như chế độ đối với lao động nữ, tai nạn lao động, các đối tượng chính sách...

2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

2.2.1 Đánh giá chung

a) Về giá trị tổng sản lượng

Bảng 2.1

Giá trị tổng sản lượng

Đơn vị: triệu đồng

	2003		2004		2005	
	TH	Tỷ trọng %	TH	Tỷ trọng %	TH	Tỷ trọng %
Giá trị tổng sản lượng	<u>56.300</u>	<u>100</u>	<u>57.121</u>	<u>100</u>	<u>58.696</u>	<u>100</u>
Trong đó						
+ Xây lắp	38.400	68,2	43.007	75	43.224	73
+ Kinh doanh vật tư, cho thuê thiết bị	17.970	31,8	14.114	25	15.472	27

Qua bảng chỉ tiêu chúng ta thấy giá trị tổng sản lượng (GTTSL) của Công ty năm sau cao hơn năm trước: năm 2003 đạt 56.300 triệu đồng; năm 2004 đạt 57.121 triệu đồng; năm 2005 đạt 58.696 triệu đồng. Như vậy mức tăng trưởng giá trị tổng sản lượng hàng năm của công ty vào khoảng từ 15-20%. Đây là một thành công đáng kể đối với một công ty có tuổi đời hơn 6 năm.

Tuy nhiên trong giá trị tổng sản lượng thì giá trị xây lắp chiếm một tỷ lệ lớn: năm 2003, giá trị xây lắp chiếm 68,2% giá trị tổng sản lượng; năm 2004 giá trị xây lắp chiếm 75, còn năm 2005 giá trị xây lắp chiếm 73%. Những số liệu này cho thấy giá trị xây lắp đóng vai trò chủ yếu trong việc cấu thành nên giá trị tổng sản lượng của công ty và phần giá trị xây lắp ngày càng tăng điều đó khẳng định sản xuất sản phẩm xây lắp là nhiệm vụ hàng đầu và trực tiếp của Công ty. Việc hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu sản phẩm xây lắp có ảnh hưởng rất lớn đến hoàn thành kế hoạch của công ty.

b) Doanh thu và lợi nhuận

Bảng 2.2

Doanh thu và lợi nhuận

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Doanh thu		Lợi nhuận	
	Thực hiện	% Hoàn thành KH	Thực hiện	% Hoàn thành KH
2003	40.273	93	416	71
2004	55.069	103	674	44.44
2005	60.106	103	723	61,71

Doanh thu của Công ty Cometco có sự tăng trưởng đều đặn. Năm 2003, đạt 40.273 triệu đồng; năm 2004, doanh thu đạt 55.069 triệu đồng bằng 136,7% so với năm 2003 (tăng 36,7%); năm 2005 đạt 60.106 triệu đồng bằng 109% so với năm 2004 (tăng 9%).

Về lợi nhuận của công ty, thì những năm gần đây đều không đạt kế hoạch đề ra. Trong 3 năm gần đây thì cao nhất là năm 2002 đạt 71% kế hoạch, năm 2004 đạt 44,44% kế hoạch, năm 2005 đạt 61,71% kế hoạch.

Bảng 2.3

Tình hình sử dụng chi phí tiền lương

TT	Chỉ tiêu	Đ.Vị	2003	2004	2005
1	Doanh thu	Tr.đồng	40.273	55.069	60.106
2	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	2.400	3.940	6.395
3	Tổng số cán bộ CBCNV (cả thuê ngoài)	Người	250	400	620
4	Thu nhập bình quân	1000đ/th	800	821	905
5	Tỷ trọng tiền lương/DT (2)/(1)	%	6	7,16	10,64

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Năm 2004 quỹ lương tăng 64,16% so với năm 2003 trong khi đó doanh thu tăng 36,7%. Năm 2005 doanh thu tăng 9,15% so với năm 2004, còn quỹ lương tăng 62,31%. Tỷ trọng tiền lương/doanh thu tăng từ 6% năm 2003 lên 7,16% năm 2004 và 10,64 năm 2005. Như vậy là doanh thu tăng chậm hơn tiền lương tức là doanh nghiệp sử dụng tiền lương chưa hiệu quả. Nguyên nhân là nhiều lao động không làm việc hết nhiệm vụ của mình trong khi đó vẫn nhận đủ lương.

Mặt khác ta thấy mặc dù quỹ lương tăng và tỷ trọng tiền lương trên doanh thu tăng nhưng mức lương bình quân ở mức trung bình (khoảng hơn 800 nghìn đồng/ tháng) điều này chứng tỏ năng suất lao động còn thấp và số lao động làm việc không hiệu quả còn nhiều.

Do thu nhập bình quân còn thấp nên hiện nay công ty có hiện tượng các nhân viên sau một thời gian làm việc đã tích lũy được một số kinh nghiệm họ đã chuyển sang nơi có thu nhập cao hơn. Điều này dẫn đến việc hiện nay công ty rất thiếu cán bộ kỹ thuật có tay nghề vững, trong khi công việc đảm nhận ngày càng nhiều.

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Công ty là một doanh nghiệp nhà nước, do vậy công ty được quyền quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của nhà nước giao theo quy định của pháp luật. Do đó, Công ty phải có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp Ngân sách theo quy định của Nhà nước.

Các khoản mà công ty phải nộp là thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế khác và nộp cấp trên.

Bảng 2.4

Tình hình nộp ngân sách

Đơn vị: Triệu đồng

	2003	2004	2005
Nộp Ngân sách	256,625	375	916
- Thuế VAT	150	215	890

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Thuế TNDN	45,625	96	150
- Thuế khác	61	64	73
Nộp cấp trên		1.978	2.046

Năm 2004 lợi nhuận của công ty tăng hơn so với năm 2002 do đó công ty đóng góp vào ngân sách tăng so với năm 2002. Và từ năm 2004 do công ty làm ăn có lãi nên công ty đã bắt đầu nộp cho Tổng Công ty một khoản là 1.978 triệu đồng. Năm 2005 công ty nộp cho cấp trên là 2.046 triệu đồng bằng 103,43% so với năm 2004.

2.2.2 Phân tích kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật

2.2.2.1 Ý nghĩa, nhiệm vụ và nội dung phân tích

a) Ý nghĩa phân tích

Như chúng ta đã biết, kế hoạch sản xuất xây lắp hoàn thành hay không là cơ sở để đánh giá, phân tích toàn bộ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Kế hoạch sản xuất thi công kỹ thuật tài chính của doanh nghiệp gồm nhiều kế hoạch như:

- Kế hoạch sản xuất (thi công xây lắp)
- Kế hoạch lao động – tiền lương
- Kế hoạch cung cấp vật tư kỹ thuật
- Kế hoạch sử dụng máy thi công
- Kế hoạch giá thành – lợi nhuận

Trong đó kế hoạch sản xuất thi công xây lắp quyết định một phần rất lớn đến kết quả các mặt quản lý tài chính, quản lý giá thành, quản lý lao động...

b) Nhiệm vụ

Việc phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất thi công xây lắp và doanh nghiệp xây lắp có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch hàng năm

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

theo từng công trình, và từng hạng mục công trình xây dựng, muốn vậy phải xác định các chỉ tiêu kỹ thuật khi phân tích như:

- Sử dụng các chỉ tiêu giá dự toán công trình
- Các số liệu thực hiện kế hoạch theo giá dự toán công trình bằng các đại lượng tuyệt đối, tương đối.

Để đánh giá được nhịp điệu xây dựng cần phải so sánh thời hạn xây dựng thực tế của từng công trình và toàn bộ việc sản xuất với thời hạn quy định. Thời hạn này không được vượt khỏi thời hạn đã xác định trong hợp đồng nhận thầu. Việc hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có một ý nghĩa to lớn trong nền kinh tế quốc dân.

Khi phân tích việc hoàn thành kế hoạch sản xuất cần phải kiểm tra việc hoàn thành chỉ tiêu hiện hành tùy thuộc vào công trình và thời hạn xây dựng hàng quý sau khi kết thúc công việc.

Khi phân tích việc thực hiện kế hoạch sản xuất ta cần đi sâu vào các vấn đề sau:

Kiểm tra phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch theo chỉ tiêu khối lượng và chất lượng công trình mà kế hoạch đã quy định

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Nội dung phân tích

Việc phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất thi công xây lắp là nhằm kiểm tra xem doanh nghiệp có hoàn thành khối lượng xây lắp đúng theo tiến độ hay không và có bảo đảm chất lượng đã ký kết hay không. Ngoài ra còn để kiểm tra xem khối lượng công trình trong những quý, những tháng đã hoàn thành nhanh hay chậm và chiều hướng phát triển của việc quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp như thế nào, còn kiểm tra xem tình hình khối công nhanh hay chậm. Như vậy, ta đi vào phân tích các mặt chủ yếu sau:

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Nghiên cứu tình hình thực hiện kế hoạch về trong kỳ báo cáo.
- Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hoàn chỉnh trong XDCB từng công trình và hạng mục công trình
 - Phân tích sự cân đối giữa các mặt trong thi công như sau: thời gian cân đối, tự thi công và chia thầu.
 - Phân tích, kiểm tra việc thực hiện các công trình và hạng mục công trình chủ yếu.
 - Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch bằng 3 loại mức độ: giá trị, hiện vật và thời gian.

2.2.2.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch năm 2005

Bảng 2.5

Bảng báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2005

Đơn vị: Triệu đồng

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2005	Thực hiện năm 2005	Chênh lệch giá trị	% TH
1	2	3	4	5
Giá trị tổng sản lượng	58.660	58.696	36	0
San nền KCN Thăng Long	2.342	2342	0	0
Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác	800	800	0	0
Đường Liêm Thủy – Yên cư	700	700	0	0
Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy	1.500	1500	0	0
Đường Hàm thuận - Đa Mi	4.200	3900	-300	-7
Thoát nước CP2 Hà nội	5.354	4875	-479	-8
Đường Quốc lộ 51- Biên Hoà	4.050	3800	-250	-6
Đường Tỉnh lộ 13 – Sóc Trăng	4.100	3.980	-120	-2
Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5	1.500	1800	300	20

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Đường Nội bộ và KCN Phú Thị	3.847	4200	353	9
Đường 14 và Các CT lẻ	4.611	4954	343	7
Thoát nước CW3 Cẩm Phả	2.300	2650	350	15
Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm	2.900	3400	500	17
Nhà máy nước Tiên Yên	746	900	154	20
Đường Văn Lâm – Hưng Yên	980	1400	420	42
Rải thảm công trình Cảng Cái Lân	400	650	250	62
Cầu Nam Hồng – Vân Trì . ĐA	1.030	1300	170	16
Kinh doanh vật tư thiết bị	10.000	15472	5472	54
Đường Phai Dài – Lạng Sơn	3.500	4050	550	15
Đường Chợ mới - Bắc Kạn	1.200	0		
Đường Chợ Đồn – Bắc Kạn	2.080	0		
Đường Cột 8- Lán Bè	2.600	0		

Nguồn: Báo cáo tổng kết của công ty

a) Phân tích khái quát chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng năm 2005

Qua bảng trên ta thấy, trong năm 2005, giá trị sản lượng vượt mức kế hoạch đề ra không đáng kể bằng 36 triệu đồng.

So với giá trị tổng sản lượng thực hiện năm 2004 tăng lên một lượng là: $58.696.000.000 - 57.121.000.000 = 1.575.000.000$ đồng hay tăng 2% so với năm 2004.

Điều này có thể kết luận rằng: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2004 là hoàn thành kế hoạch đề ra.

Qua bảng trên ta thấy mặc dù công ty đã hoàn thành kế hoạch giá trị tổng sản lượng nhưng trong đó có cả hạng mục công trình chưa hoàn thành kế hoạch:

- Các công trình hoàn thành kế hoạch đặt ra là:

- (1). Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác

- (2). Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác
- (3). Đường Liêm Thủy – Yên cư
- (4). Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy

- Các công trình hoàn thành vượt mức kế hoạch

- (1). Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5 vượt kế hoạch 300 triệu đồng hay vượt kế hoạch 20%
- (2). Đường Nội bộ và KCN Phú Thị vượt kế hoạch 353 triệu đồng hay vượt kế hoạch 9%
- (3). Đường 14 và Các CT lẻ vượt kế hoạch 343 triệu đồng hay vượt kế hoạch 7%
- (4). Thoát nước CW3 Cẩm Phả vượt kế hoạch 350 triệu đồng hay vượt kế hoạch 15%
- (5). Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm vượt kế hoạch 500 triệu đồng hay vượt kế hoạch 17%
- (6). Nhà máy nước Tiên Yên vượt kế hoạch 154 triệu đồng hay vượt kế hoạch 20%
- (7). Đường Văn Lâm – Hưng Yên vượt kế hoạch 420 triệu đồng hay vượt kế hoạch 42%
- (8). Rải thảm công trình Cảng Cái Lân vượt kế hoạch 250 triệu đồng hay vượt kế hoạch 62%
- (9). Cầu Nam Hồng – Vân trì . ĐA vượt kế hoạch 170 triệu đồng hay vượt kế hoạch 16%
- (10). Kinh doanh vật tư thiết bị vượt kế hoạch 5472 triệu đồng hay vượt kế hoạch 54%
- (11). Đường Phai Dài – Lạng Sơn vượt kế hoạch 550 triệu đồng hay vượt kế hoạch 15%

- Các công trình chưa hoàn thành kết hoạch đặt ra

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- (1). Đường Hàm thuận - Đa Mi giảm so với kế hoạch là 300 triệu đồng hay giảm 7 %
- (2). Thoát nước CP2 Hà nội giảm so với kế hoạch là 479 triệu đồng hay giảm 8 %
- (3). Đường Quốc lộ 51- Biên Hoà giảm so với kế hoạch là 250 triệu đồng hay giảm 6%
- (4). Đường Tỉnh lộ 13 – Sóc Trăng giảm so với kế hoạch là 120 triệu đồng hay giảm 2 %

- Các công trình chưa khởi công là

- (1). Đường Chợ mới - Bắc Kạn
- (2). Đường Chợ Đồn – Bắc Kạn
- (3). Đường Cột 8- Lán Bè

b) Phân tích tình hình hoàn thành các Hạng mục công trình chủ yếu

Phân tích hình hình hoàn thành kế hoạch công tác xây lắp của doanh nghiệp xây dựng theo các loại công tác chủ yếu có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cho thấy một cách cụ thể các quá trình sản xuất ở các hạng mục, đồng thời nó còn là cơ sở để xác định và phân tích hình hình sử dụng lao động, vật tư cũng như máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất thi công.

Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch khối lượng công tác xây lắp theo các loại công tác chủ yếu còn là điều kiện cơ bản để kiểm tra sự đảm bảo cơ cấu công tác kế hoạch, vạch ra một cách đầy đủ và cụ thể các nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình hoàn thành kế hoạch khối lượng công tác xây lắp của doanh nghiệp xây dựng.

Bảng 2.6

Đơn vị: Triệu đồng

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2005	Thực hiện năm	Chênh lệch giá trị	% TH
---------------------	-------------------	---------------	--------------------	------

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

		2005		
1	2	3	4	5
Giá trị tổng sản lượng	37.204	38.151	947	2
San nền KCN Thăng Long	2342	2342	0	0
Đường Hàm thuận - Đa Mi	4200	3900	-300	-7.14
Thoát nước CP2 Hà nội	5354	4875	-479	-8.95
Đường Quốc lộ 51- Biên Hoà	4050	3800	-250	-6.17
Đường Tỉnh lộ 13 – Sóc Trăng	4100	3980	-120	-2.93
Đường Nội bộ và KCN Phú Thị	3847	4200	353	9.18
Đường 14 và Các CT lẻ	4611	4954	343	7.44
Thoát nước CW3 Cẩm Phả	2300	2650	350	15.22
Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm	2900	3400	500	17.24
Đường Phai Dài – Lạng Sơn	3500	4050	550	15.71

Qua bảng trên ta thấy trong năm 2005 giá trị tổng sản lượng của các công trình chủ yếu thực tế vượt mức kế hoạch một lượng là 947 triệu đồng hay vượt mức kế hoạch 2%.

Điều này chứng tỏ tình hình hoạt động sản xuất của công ty có khoa học tập trung thi công dứt điểm các công trình trọng yếu để hoàn thành đúng kỳ hạn đã định.

Trong 10 công trình chủ yếu thi công trong năm 2005 thì có 6 công trình hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch và 4 công trình khác chưa hoàn thành mức kế hoạch.

- Các công trình hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch là:

- (1). San nền KCN Thăng Long
- (2). Đường 14 và Các CT lẻ
- (3). Thoát nước CW3 Cẩm Phả
- (4). Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm

(5). Đường Phai Dài – Lạng Sơn

(6). Đường Nội bộ và KCN Phú Thị

- Các công trình không hoàn thành kế hoạch

(1). Đường Hàm thuận - Đa Mi

(2). Thoát nước CP2 Hà nội

(3). Đường Quốc lộ 51- Biên Hoà

(4). Đường Tỉnh lộ 13 – Sóc Trăng

- Số lượng các công trình chủ yếu hoàn thành vượt mức kế hoạch là 6 công trình chiếm 60% về mặt giá trị chiếm 21.596 triệu đồng chiếm 56% giá trị tổng sản lượng của các công trình chủ yếu

- Số các công trình chủ yếu không hoàn thành vượt mức kế hoạch là 4 công trình chiếm 40 %, về giá trị chiếm 44% giá trị tổng sản lượng của các công trình chủ yếu.

Chính nhờ sự hoàn thành vượt mức của các công trình chủ yếu mà làm cho giá trị tổng sản lượng của các công trình chủ yếu hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra.

c) Phân tích tình hình khởi công và hoàn thành các công trình

Thực hiện kế hoạch khối lượng công tác xây lắp trong kì là một quá trình lao động của cả doanh nghiệp xây dựng. Việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch khối lượng công tác xây lắp trong từng giai đoạn (tháng, quý...) của kì phân tích là điều kiện cần thiết và có tính chất quyết định cho việc hoàn thành kế hoạch của kì phân tích. Vì thế, bên cạnh các hướng phân tích khác, việc phân tích tình hình thực hiện kế hoạch khối lượng công tác xây lắp trong kì là cần thiết. Sự cần thiết này còn có thể nhìn thấy từ đặc điểm mang tính đặc thù của sản xuất xây dựng là thi công chủ yếu ở ngoài trời, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện thời tiết khí hậu nên doanh nghiệp xây dựng không thể tiến hành sản xuất thi công xây lắp với mức độ như nhau ở tất cả các thời đoạn trong kì phân tích. Đặc điểm này đòi

hỏi công tác lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp xây dựng không thể không chú ý tới việc lập kế hoạch sản xuất theo thời gian.

Phân tích hình thực hiện kế hoạch theo các thời kì sản xuất thi công khác nhau cho phép thấy rõ những thời kì hoạt động sản xuất tốt hoặc không tốt, trên cơ sở đó có thể chỉ ra những biện pháp hạn chế những ảnh hưởng của những nhân tố ảnh hưởng có tính chất thời vụ đối với hoạt động sản xuất thi công của doanh nghiệp nhằm tăng khối lượng công tác xây lắp hoàn thành. Mặt khác, phân tích theo hướng này còn tạo điều kiện cho việc nghiên cứu quy luật biến động của mức sản xuất thi công theo thời gian trên cơ sở quan sát và phân tích các số liệu báo cáo nhiều năm, qua đó có thể cải tiến công tác kế hoạch của doanh nghiệp.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Bảng 2.7

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Ngày khởi công		Ngày hoàn thành	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	1	2	3	4	5
1	San nền KCN Thăng Long	1/3/2004	15/3/2004	4/2004	5/2004
2	Rải asphal Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác	6/4/2004	3/4/2004	5/2004	4/2004
3	Đường Liêm Thủy – Yên cư	14/9/2002	14/9/2002	3/2004	3/2004
4	Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy	5/2004	5/2004	6/2005	7/2005
5	Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5	10/9/2004	18/9/2004	10/2005	11/2005
6	Đường Nội bộ và KCN Phú Thị	15/11/2004	17/11/2004	8/2005	8/2005
7	Đường 14 và Các CT lẻ	6/7/2004	20/7/2004	5/2005	6/2005
8	Thoát nước CW3 Cẩm Phả	15/3/2004	15/3/2004	8/2005	6/2005
9	Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm	4/2004	4/2004	8/2005	7/2005
10	Nhà máy nước Tiên Yên	6/2004	7/2004	9/2005	9/2005
11	Đường Văn Lâm – Hưng Yên	1/7/2004	20/7/2004	10/2005	9/2005
12	Rải thảm công trình Cảng Cái Lân	3/2005	4/2005	6/2005	7/2005
13	Cầu Nam Hồng – Vân trì . ĐA	12/2004	1/2004	11/2005	10/2005
14	Đường Phai Dài – Lạng Sơn	18/3/2004	10/3/2004	11/2005	11/2005

*** Phân tích tình hình khởi công**

Số lượng các công trình khởi công mà hoàn thành bàn giao trong năm 2005 là 14 công trình.

- Số công trình khởi công đúng thời hạn là 4 công trình chiếm 28%

+ Đường Liêm Thủy – Yên cư

+ Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy

+ Thoát nước CW3 Cẩm Phả

+ Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm

- Số công trình khởi công chậm kế hoạch là 8 công trình chiếm 57%

+ San nền KCN Thăng Long

+ Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5

+ Đường Nội bộ và KCN Phú Thị

+ Đường 14 và Các CT lẻ

+ Nhà máy nước Tiên Yên

+ Đường Văn Lâm – Hưng Yên

+ Rải thảm công trình Cảng Cái Lân

+ Cầu Nam Hồng – Vân Trì . ĐA

- Số công trình khởi công sớm so với kế hoạch là 2 công trình chiếm 14%

+ Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác

+ Đường Phai Dài – Lạng Sơn

*** Phân tích tình hình hoàn thành**

Qua bảng trên ta thấy, trong năm 2005 có 14 công trình hoàn thành bàn giao, trong đó có 4 công trình bàn giao đúng thời hạn đó là:

+ Đường Liêm Thủy – Yên cư

+ Đường Nội bộ và KCN Phú Thị

+ Nhà máy nước Tiên Yên

+ Đường Phai Dài – Lạng Sơn

- Có 5 công trình bàn giao chậm so với kế hoạch

+ Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5

+ San nền KCN Thăng Long

+ Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy

+ Rải thảm công trình Cảng Cái Lân

+ Đường 14 và Các CT lẻ

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Nguyên nhân: Các công trình này thường khởi công chậm so với kế hoạch, việc bố trí nhân công và máy móc phục vụ cho sản xuất còn thiếu và chậm so với tiến độ công trình.

- Có 5 công trình bàn giao sớm so với kế hoạch

- + Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác
- + Thoát nước CW3 Cẩm Phả
- + Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm
- + Đường Văn Lâm – Hưng Yên
- + Cầu Nam Hồng – Vân trì . ĐA

Nguyên nhân: các công trình khởi công chậm đúng với kế hoạch, việc bố trí nhân công và máy móc phục vụ cho sản xuất kịp thời với tiến độ công trình.

d) Phân tích tình hình hoàn thành các công trình bàn giao trong năm 2005

**** Ý nghĩa phân tích:***

- Chỉ tiêu này là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

- Việc hoàn thành bàn giao đưa các công trình vào sử dụng còn nói lên mức độ phấn đấu của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế hoạch và việc hoàn thành vốn đầu tư XD CB

- Chỉ tiêu hoàn thành các công trình đưa vào sử dụng còn nói lên mức độ trang bị kỹ thuật và tăng thêm năng lực sản xuất cho nền KTQD

- Phản ánh kết quả tiêu thụ sản phẩm

**** Nhiệm vụ;***

Nhiệm vụ chủ yếu là đưa khối lượng các công trình đã hoàn thành bàn giao cho các đơn vị sử dụng

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Xem xét việc đưa các công trình đó vào sản xuất có đúng kế hoạch đã quy định hay không.

*** Tài liệu phân tích**

Dùng số liệu báo cáo về việc thực hiện kế hoạch đưa các công trình khác nhau vào sử dụng theo kế hoạch nhận thầu, danh sách các hạng mục công trình, các nguồn tài liệu về thống kê, tài liệu kế toán...

Bảng 2.8

Tình hình hoàn thành các công trình bàn giao trong năm 2005

Hạng mục công trình	Giá trị (triệu đồng)		Chênh lệch	%TH	Ngày hoàn thành		Chênh lệch
	Kế hoạch	Thực hiện			Kế hoạch	Thực hiện	
San nền KCN Thăng Long	2342	2342	0	0	4/2004	5/2004	1
Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác	800	800	0	0	5/2004	4/2004	-1
Đường Liêm Thủy – Yên cư	700	700	0	0	3/2004	3/2004	0
Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy	1500	1500	0	0	6/2005	7/2005	1
Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5	1500	1800	300	20	10/2005	11/2005	1
Đường Nội bộ và KCN Phú Thị	3847	4200	353	9	8/2005	8/2005	0
Đường 14 và Các CT lẻ	4611	4954	343	7	5/2005	6/2005	1
Thoát nước CW3 Cẩm Phả	2300	2650	350	15	8/2005	6/2005	-2
Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm	2900	3400	500	17	8/2005	7/2005	-1
Nhà máy nước Tiên Yên	746	900	154	20	9/2005	9/2005	0
Đường Văn Lâm – Hưng Yên	980	1400	420	42	10/2005	9/2005	-1
Rải thảm công trình Cảng Cái Lân	400	650	250	62	6/2005	7/2005	1
Cầu Nam Hồng – Vân trì . ĐA	1030	1300	170	16	11/2005	10/2005	-1
Đường Phai Dài – Lạng Sơn	3500	4050	550	15	11/2005	11/2005	0

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Phân tích tình hình hoàn thành các công trình bàn giao về số lượng

Hoàn thành kế hoạch bàn giao công trình, phần đầu đưa nhanh các công trình và hạng mục công trình xây dựng vào khai thác (sử dụng) thể hiện đầy đủ và tập trung kết quả sản xuất doanh nghiệp xây dựng trong kỳ phân tích.

Công trình và hạng mục công trình xây dựng bàn giao được hiểu là công trình và hạng mục công trình đã hoàn thành toàn bộ các công tác xây lắp theo thiết kế, đảm bảo đưa vào khai thác (sử dụng) bình thường năng lực sản xuất (phục vụ) và đã được bàn giao cho chủ đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch bàn giao công trình và hạng mục công trình xây dựng hoàn thành được bắt đầu bằng việc đánh giá theo số lượng công trình và thời hạn bàn giao

Chỉ tiêu phân tích có thể được sử dụng để phân tích theo khía cạnh này là: Mức độ hoàn thành kế hoạch bàn giao công trình về mặt số lượng

$$\frac{\text{Số công trình và hạng mục CT xây dựng đã bàn giao}}{\text{Số công trình và hạng mục CT xây dựng cần bàn giao trong kỳ kế hoạch}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho phép đánh giá một cách khái quát về tình hình hoàn thành kế hoạch bàn giao công trình của doanh nghiệp xây dựng, đồng thời cũng chỉ ra sự cần thiết phải tìm ra các nguyên nhân dẫn tới việc không thể bàn giao được các công trình và hạng mục công trình đưa vào sử dụng theo kế hoạch.

Theo kế hoạch đặt ra, số lượng công trình phải hoàn thành bàn giao trong năm là 18.

Thực tế số công trình hoàn thành bàn giao trong năm 2005 là 14 công trình, như vậy tỷ lệ hoàn thành công trình bàn giao năm 2005 là 77%

Như vậy; tuy không hoàn thành bàn giao hết các công trình như trong kế hoạch nhưng với tỷ lệ 77% thì có thể kết luận rằng tình hình hoạt động

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

sản xuất kinh doanh của công ty tạm ổn. Các công trình không hoàn thành bàn giao trong năm 2005 là do điều kiện khách quan là chính

- Phân tích tình hình bàn giao công trình về mặt giá trị sản lượng

Để đánh giá chi tiết hơn tình hình thực hiện kế hoạch bàn giao đưa công trình vào sử dụng của doanh nghiệp xây dựng, sau khi phân tích theo số lượng cần phải phân tích mức độ hoàn thành kế hoạch về mặt khối lượng và năng lực các hạng mục bàn giao.

Chỉ tiêu phân tích về khía cạnh này có thể là: Mức độ hoàn thành kế hoạch bàn giao công trình về mặt giá trị.

$$\frac{\text{Giá trị dự toán các hạng mục CT xây dựng đã bàn giao trong kì}}{\text{Giá trị dự toán của các hạng mục CT xây dựng cần bàn giao trong kì theo kế hoạch}} \times 100\%$$

Đánh giá theo giá trị khối lượng công tác hoàn thành ở các hạng mục công trình bàn giao chỉ rõ số vốn đầu tư đã được phát huy tác dụng trong nền kinh tế quốc dân như thế nào. Ngoài ra, cách đánh giá như vậy cho thấy quy mô của các hạng mục bàn giao đồng thời cũng có thể cho thấy ở một chừng mực nhất định sự quan tâm của các doanh nghiệp xây dựng vào việc hoàn thành bàn giao các công trình và hạng mục công trình quan trọng có quy mô lớn.

Qua bảng trên ta thấy tình hình bàn giao công trình trong năm vượt mức kế hoạch đặt ra một lượng 3.490 triệu đồng hay 14% so với kế hoạch đặt ra.

Trong số 14 công trình hoàn thành bàn giao trong năm 2005 có 10 công trình hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra

Bảng 2.9

TT	Công trình	Vượt mức kế hoạch về giá trị sản lượng (%)
1	Đường nội bộ nhà máy ô tô 1-5	20
2	Đường Nội bộ và KCN Phú Thị	917

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

3	Đường 14 và Các CT lẻ	7,43
4	Thoát nước CW3 Cẩm Phả	15,21
5	Nước sạch khu làng nghề Bát tràng – Gia lâm	17,24
6	Nhà máy nước Tiên Yên	20,64
7	Đường Văn Lâm – Hưng Yên	42,85
8	Rải thảm công trình Cảng Cái Lân	62,5
9	Cầu Nam Hồng – Vân tri . ĐA	26,21
10	Đường Phai Dài – Lạng Sơn	15,71

- 4 công trình đạt mức kế hoạch đặt ra:

- + San nền KCN Thăng Long
- + Rải asphalt Đường Quốc lộ 18, Đường C.ty 1-5 và các CT khác
- + Đường Liêm Thuỷ – Yên cư
- + Nhà xưởng KCN Vĩnh Tuy

2.2.3 Đánh giá chung thực trạng tình hình sản xuất tiêu thụ sản phẩm của công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật

a) Những kết quả đạt được

- Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty: Thực hiện mục tiêu tài chính đặt ra, giám sát quá trình thi công đảm bảo bàn giao các công trình đúng thời gian.

- Công ty đã vận dụng phương pháp cụ thể trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh là phương pháp kế hoạch hoá từ trên xuống đảm bảo tính thống nhất trong toàn Công ty. Kế hoạch được lập theo phương pháp đó giảm tính bất ổn định của Công ty.

- Công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty luôn xây dựng những bản kế hoạch với những chỉ tiêu có thể thực hiện được do vậy hàng năm Công ty đều hoàn thành kế hoạch và kinh doanh có lãi, thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội khác.

- Cùng với việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm Công ty luôn xây dựng các kế hoạch đầu tư thiết bị, kế hoạch sửa chữa thiết bị, kế

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

hoạch lao động nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở kế hoạch năm phòng Kinh tế - kế hoạch xây dựng các kế hoạch ngắn hạn hơn để thực hiện kế hoạch dài hạn.

- Nội dung của bản kế hoạch xây dựng nhiều chỉ tiêu cả về số lượng và chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh đảm bảo Công ty hoàn thành kế hoạch về khối lượng vừa phải có lãi.

- Phòng kinh tế - kế hoạch điều hành và giám sát quá trình thực hiện kế hoạch của các đội, các công trình đảm bảo cung cấp thông tin cho hoạt động điều chỉnh hàng năm.

- Công ty có xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đảm bảo cho công tác đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện có căn cứ. Trên cơ sở đó Công ty rút ra được những nguyên nhân dẫn đến hoàn thành hay không hoàn thành kế hoạch.

b) Những tồn tại

- Tồn tại lớn nhất là khâu thu hồi công nợ, nợ đọng vốn của các loại công trình lớn, các công trình rải rác. Trong khi đó công ty vẫn phải vay ngân hàng để đảm bảo hoạt động sản xuất thi công được liên tục nhịp nhàng.

- Bộ máy quản lý của công ty chưa được tối ưu hoá cho nên quản lý doanh nghiệp tăng làm giảm lợi nhuận của công ty

- Việc chấp hành ý thức kỷ thuật chưa cao của các đội cho nên khó khăn trong việc nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng

- Trong các năm vừa qua có một số công trình mà công ty hoàn thành bàn giao không đúng thời gian quy định, lý do là công ty bố trí thời gian thi công chưa hợp lý

c) Nguyên nhân của những tồn tại

- Trong quá trình xây dựng chiến lược công tác nghiên cứu và dự báo về môi trường kinh doanh có thực hiện nhưng chưa sâu do đó thông tin về dự báo sử dụng cho xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh không đầy đủ.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Do đội ngũ cán bộ công nhân viên phòng Kinh tế - kế hoạch hạn chế song cùng một lúc phải làm nhiều công việc lập hồ sơ đấu thầu, lập dự toán chi phí và quản lý chi tiêu của ban điều hành công trường, lập kế hoạch, lập bảng lương,... Cho nên chỉ có một nhân viên phụ trách công tác xây dựng kế hoạch dưới sự chỉ đạo của Trưởng, Phó phòng. Vì vậy không có nhiều thời gian để xây dựng kế hoạch, kế hoạch được xây dựng chưa thật tốt.

- Do Công ty chưa có bộ phận chuyên trách về xây dựng kế hoạch, chưa có nguồn tài chính dành riêng cho công tác xây dựng kế hoạch nên nhiều khâu chưa thực hiện sâu và triệt để.

- Công ty sử dụng công tác kế hoạch từ trên xuống do vậy có nhiều thông tin ở cấp dưới Công ty không nắm vững được toàn diện. Bên cạnh đó phương pháp cân đối theo bộ phận nhiều khi không phù hợp với thị trường.

- Do hệ thống máy móc thiết bị của Công ty tuy đa dạng về chủng loại nhưng có nhiều máy đã được sản xuất từ những năm 90 nên công suất của các máy đó không cao và thường không ổn định. Vì vậy các chỉ tiêu về giá trị sản lượng hàng năm xây dựng và thực hiện được không cao. Bên cạnh đó hệ thống trang thiết bị phục vụ cho phòng Kinh tế- kế hoạch trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh không nhiều gây ra những khó khăn nhất định trong việc thu thập và xử lý thông tin. Công ty đã trang bị hệ thống máy tính phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch nhưng chưa sử dụng nhiều phần mềm hỗ trợ về các phương pháp dự báo, phương pháp cân đối,... Những dự báo về nhu cầu của thị trường, về xu thế biến động của thị trường đều được thực hiện theo phương pháp giản đơn và thủ công mang tính khoa học không cao. Vì vậy trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh không sử dụng những công cụ toán phức tạp mà những công cụ đó thường cho kết quả với độ chính xác cao hơn.

CHƯƠNG III

LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - TIÊU THỤ SẢN PHẨM NĂM 2006 CỦA CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

3.1. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - TIÊU THỤ SẢN PHẨM 2006

3.1.1 Nhiệm vụ sản xuất năm 2006 của công ty

Trong năm 2006 công ty phải nỗ lực phấn đấu duy trì sự ổn định của công ty, phấn đấu có chỗ đứng vững chắc trên thị trường xây dựng

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh mà công ty đã đề ra.

- Tăng cường công tác tiếp cận thị trường khai thác công việc phát huy tinh thần năng động sáng tạo, tự chủ của mọi thành viên trong Công ty, tận dụng mọi cơ hội để khai thác công việc.

- Tiếp tục phấn đấu đưa mọi hoạt động của Công ty vào nề nếp từ công tác quản lý điều hành tới công tác quản lý kỹ thuật.

3.1.2 Lập bảng danh mục công trình thi công và giá trị sản lượng năm 2006

Bảng 3.1

Danh mục công trình thi công và giá trị sản lượng năm 2006

TT	Danh mục công trình	ĐV	KLượng g	Kinh phí
1	Đường Ngô Gia tự - Thị xã Bắc Ninh	Km	5	1.700.000
2	Cầu Meo Khai – Yên Bái			772.107
3	Đường Trường Yên Ninh Bình	Km	12	1.622.996
4	Đường tỉnh Yên Bái	Km	8	6.000.000
5	Đường xã Kim Lan – Gia lâm	Km	2	63.000
6	Đường Tỉnh - Bắc Giang	Km	10	5.000.000

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

7	Trung Tâm hội nghị quốc gia	Km	8	4.365.200
8	Đường Chợ mới - Bắc Kạn	Km	7	4.057.205
9	Đường Chợ Đồn – Bắc Kạn	Km	9	6.078.000
10	Đường Cột 8- Lán Bè	Km	6	4.200.987

3.1.3. Lập bảng danh mục công trình và tiến độ thi công năm 2006

Căn cứ vào: - Nhiệm vụ được giao

- Các hợp đồng đã ký kết

Danh mục công trình và tiến độ thi công năm 2006

Bảng 3.2

Thời gian khởi công và thời gian hoàn thành các công trình

Danh mục các công trình	T/g khởi công	T/g hoàn thành
Các công trình khởi công năm trước		
Đường Ngô Gia tự - Thị xã Bắc Ninh	12/2004	12/2006
Cầu Meo Khai – Yên Bái	11/2004	6/2006
Đường Trường Yên Ninh Bình	10/2004	3/2006
Đường tỉnh Yên Bái	9/2004	5/2006
Các công trình khởi công trong năm		
Đường xã Kim Lan – Gia lâm	2/2005	7/2006
Đường Tỉnh - Bắc Giang	2/2005	11/2006
Trung Tâm hội nghị quốc gia	1/2005	8/2006
Đường Chợ mới - Bắc Kạn	5/2005	12/2006
Đường Chợ Đồn – Bắc Kạn	1/2005	12/2006
Đường Cột 8- Lán Bè	3/2005	11/2006

3.1.4. Lập bảng khối lượng công tác năm 2006

Bảng 3.3

Khối lượng công tác các công trình

(Đường Ngô Gia tự Bắc Ninh, Đường Tinh Yên Bái, Đường Cột 8 Lán Bè)

Loại công tác	ĐV	Đường Ngô Gia tự Bắc Ninh	Đường Tinh Yên Bái	Đường Cột 8 Lán Bè	Tổng cộng
Công tác đất đá					
Đào đất					
Đào đất các loại	m ³	41.445,7	6.995,1	5.625,7	54.070,5
Đào đất hữu cơ	m ³	4,0			4,0
Đắp đất					
đất các loại	m ³	16.393,8	6.412,3	9.613,5	32.419,6
Vét bùn	m ³	485,3			485,3
Công tác nền, mặt					
Nền đường					
đá hộc rãnh dọc vữa	m ³	265,7			265,7
75#					
đá mương thủy lợi	m ³	48,0			48,0
Mặt đường					
đóng cấp phối 20cm	m ²		8.834,7	2.965,8	11.800,5
kênh cấp phối 15cm	m ²		12.611,3		12.611,5
đệm dày 3cm	m ³		460,58		460,6
tông M300	m ³		2.764,1		2.764,1
nhựa đường	m ³		5,58		6,58
công tác thoát nước					

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

tròn	Cái	14,0	4,0	2,0	20,0
bản	Cái	59,0	7,0	5,0	71,0
công tác khác					
xuất, lắp dựng cọc	Cọc	362,0			362,0
BTCT 200#					
xuất, lắp dựng móng	Cọc	26,0			26,0
BT 200#					
Biển báo phản quang	Bộ	12,0	2,0	2,0	14,0
Cỏ ta luy	m ²	5.872,0			5.872,0

Bảng 3.4

Khối lượng công tác các công trình

(Cầu Mèo Khai Yên Bái, Trung Tâm hội nghị quốc gia, Đường chợ mới Bắc Kạn)

Loại công tác	ĐV	Cầu Mèo Khai Yên Bái	Trung Tâm hội nghị quốc gia	Đường Chợ mới Bắc Kạn	Tổng cộng
Công tác đất đá					
Đào đất					
dọn đất	m ³		18,0		18,0
đất các loại	m ³	9.746,8		13.860,5	23.607,3
vét bùn	m ³	1.500,0			1.500,0
Đắp đất					
ất nền và sau móng, móng	m ³		21.441,0	4674,4	26.115,4
đất bãi đúc dầm	m ³		2.000,0		2000,0
đường tránh thi công	m ³			2.380,0	2.380,0
đất vòng vây ngăn nước thi	m ³			300,0	300,0
Đắp đất các loại	m ³	3.625,7			3.625,7

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

công tác móng mặt đường					
cổ lề đường cấp phối 12cm	m ²	200,2			200,2
khuôn đường	m ³	94,7			94,7
cấp phối đá dăm 14 cm	m ³	114,88			114,88
đường đá dăm láng nhựa	m ²	820,55			820,55
lớp trên đá dăm 10 cm	m ³		539,2		539,2
cổ ta luy đá hộc vữa M75 dày	m ³		1.306,5		1.306,5
đá hộc chắn khay ả nón M 75	m ³		430,0		430,0
móng đá dăm 4x6 dày 15 cm	m ²		2.393,6		2.393,6
mặt đường cấp phối	m ²		882,0		882,0
mặt đường đá dăm láng nhựa	m ²		2.393,6		2.393,6
Mặt đường cấp phối đường 2	m ²			601,7	601,7
dây 20 cm					
mặt đường cấp phối sỏi sỏi	m ²			4.553,5	4.553,5
tác thoát nước					
rãnh thoát nước đường 2	m ³	63,6		233,7	297,3
cống D = 750	Cái	2,0		1,0	3,0
cống D 1000 Đường vào	Cái			7,0	7
tổng cống	Cái			24	24
phần trên và phần dưới					
phần trên cầu					
BTCT Dự L	Dầm	3			3
dầm	Tấn	6,42186			6,42186

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

CĐC	Tấn	1,998			1,998
chôn sẵn	Tấn	0,489			0,489
dầm M400, đá 1x 2	m ³	41,8			41,8
dầm ngang, mỗi nối	Tấn	1,026			1,026
dầm ngang, mỗi nối	m ³	6,5			6,5
1 x 2					
giãn, tầng phủ mặt cầu	T.bộ	1			1
thoát nước + vãn vọt	T.bộ	1			1
gờ lan can	Tấn	1,139			1,139
gờ lan can M 250, đá 1x2	m ³	13,54			13,54
thép	Tấn	1,574			1,574
bản vọt	Tấn	0,6135			0,6135
bản vọt M250, đá 1x2	m ³	5,73			5,73
thoát nước mặt cầu	Cái	8			8
kết cấu phần dưới					
cầu	Mô	2			
tông lót móng hố M150, đá	m ³	11,86			11,86
tông kê móng hố M250, đá	m ³	177,84			177,84
thân, tường móng M200, đá	m ³	304,47			304,47
Thép mũi móng, kê kê gối	Tấn	0,2817			0,2817
Thép mũi móng M250, đá 1x2	m ³	5,04			5,04
bánh chôn sẵn	Tấn	0,2374			0,2374
đất từ nón mò, đất cấp 3	m ³	700			700
chân khay đá học vữa XM	m ³	33,67			33,67
khay đá học 1/4 nón, Miéc	m ³	99,52			99,52
XM M100					
Cọc BTCT	md	524			524
di động + gối cố định	Tấn	0,9703			0,9703

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Bảng 3.5

Khối lượng công tác các công trình

(Đường chợ Đôn Bắc Kạn, Đường xã Kim Lan Gia Lâm)

Loại công tác	Đơn vị	Đường chợ Đôn	Đường xã Kim Lan Gia Lâm	Tổng cộng
Công tác đất đá				
Đào đất nền đường	m ³		3.120,0	3.120,0
Đào đất đá nền đường	m ³	11.632,5		11.632,5
Lấp đất, đá nền đường	m ³	6.123,7	5.236,5	11.360,2
Đắp lề			1.132,0	1.152,0
Công tác móng, mặt đường				
Đào khuôn	m ³	12.165,0		12.165,0
Móng đá dăm dày 18cm	m ²	63.133,0		63.133,0
Máng nhựa 5,5 kg/m ² dày 8cm	m ²	70.125,0		70.125,0
Làm mặt đường cấp phối đá	m ²		6.165,0	6.165,0
láng nhựa 6cm				
kênh dày 5cm	m ²	6.025,0		6.025,0
Công tác thoát nước				
Thi công rãnh dọc	m	9.621,0		9.621,0
Thi công cống bản	Cái	15		15
Thi công cống tròn	Cái	9	7	16
Các công tác khác				
và dựng cọc tiêu	Cọc	19		19
Biển báo	Cái	16		16
Trồng cỏ	m ²	21.162,0		21.163

Bảng 3.6

Khối lượng công tác các công trình

(Đường Tỉnh Bắc Giang, Đường Trường Yên Ninh Bình)

Loại công tác	Đơn vị	Đường Tỉnh Bắc Giang	Đường Trường Yên Ninh Bình	Tổng cộng
Công tác đất đá				
Đào đất				
Đào đất các loại	m ³	4.000	1.500	5.500
Đắp đất	m ³	6.500	4.100	10.600
lấp đất đôi				
Công tác móng, mặt đường				
Móng đá dăm thi công	m ³	20.215	7.120	27.335
14cm				
kênh đá dăm	m ²	905	240	1.145
Máng nhựa dày 12cm	m ²	18.200	6.200	24.400
Gia cố lề	m ²	250	50	300
Công tác thoát nước				
Thi công rãnh dọc	m	9000	2500	11.500
Hồ tụ nước	Cái	15	6	21
Bóng tròn	Cái	25	11	36
bản	Cái	15		
Các công tác khác				
Trồng cỏ	m ²	16.000	5.500	21.500
vạch kẻ đường	m ²	10.201		10.201
Cọc tiêu	Cọc	40	15	55

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

3.1.5. Lập bảng phân khai khối lượng

Bảng 3.7

Bảng phân khai khối lượng cho các quý năm 2006

Loại công tác	Đơn vị	KL năm	Các quý			
			Quý I	II	III	IV
1	2	3	4	5	6	7
Công tác đào, đắp						
1.1 Đào đất	m ³	152.283,5	45.962	59.600,5	46.720	
1.2 Đắp đất	m ³	291.121	50.013,5	65.000	90.075	86.032,5
Công tác móng mặt đường						
Đá dăm	m ²	93.400	24.215	39.035	30.150	
Đường cấp phối	m ²	36.409,7	11.019	16.390	9.000,7	
Đường cấp phối đá dăm	m ²	25.534,88	12.230,88	6.000	6.300	1.004
BTN	m ²	77.367	15.300	32.067	20.000	10.000
Nhựa	m ²	141.525	20.505	80.020	2000	21.000
Khuôn	m ³	12.259,7	7.250,7	2.009	3000	
Gia cố lề	m ²	19.741.3	2.701.3	12.050	1.900	3090
Mặt đường đá dăm láng	m ²	9.379.2	9.379,2			
Công tác thoát nước						
Tròn	Cái	405	105	250	50	
Bản	Cái	458	108	280	70	
Dọc thoát nước	m	38.731	0	17.031	12.000	9.700
Nước	m	86	0	26	50	10
Công tác khác						
Dựng lan can	m	4.411		1.211	2.000	

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Trồng cỏ	m ²	68.600	12.500		26.100	30.000
***	Cọc	501	75	50	200	176
báo	Bộ	50	6		20	24
Vạch kẻ đường	m ²	25.801			10.801	15.000
cầu phần trên và dưới						
BTCT DUL	Dầm	3,0	3,0			
Co dẫn + tầng phủ mặt	T.bộ	1,0	1,0			
thoát nước + bản vượt	T.Bộ	1,0	1,0			
BTCT	md	524	524			

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

3.1.6. Lập bảng nghiệm thu bàn giao, tiêu thụ sản phẩm

Bảng 3.8

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm năm 2006

TT	Công trình -HMCT	Thời điểm bàn giao	Giá trị sản lượng (1.000đ)	Chủ đầu tư
1	Đường Ngô Gia tự - Thị xã Bắc Ninh	12/2006	1.700.000	Ban quản lý Sở GTVT Bắc Giang
2	Cầu Meo Khai – Yên Bái	6/2006	772.107	
3	Đường Trường Yên Ninh Bình	3/2006	1.622.996	UBND Huyện Trường Yên
4	Đường tỉnh Yên Bái	5/2006	6.000.000	
5	Đường xã Kim Lan – Gia lâm	7/2006	63.000	UBND Huyện Gia Lâm
6	Đường Tỉnh - Bắc Giang	11/2006	5.000.000	Ban quản lý Sở GTVT Bắc Giang
7	Trung Tâm hội nghị quốc gia	8/2006	4.365.200	
8	Đường Chợ mới - Bắc Kạn	12/2006	4.057.205	Ban quản lý Sở GTVT Bắc Kạn
9	Đường Chợ Đồn – Bắc Kạn	12/2006	6.078.000	Ban quản lý Sở GTVT Bắc Kạn
10	Đường Cột 8- Lán Bè	11/2006	4.200.987	

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

3.1.7. Xác định nhu cầu nhân công - vật tư và máy thi công

Bảng 3.9

Xác định chi tiết nhu cầu nhân công - vật tư - máy thi công

Loại công tác	Đvị	KL	ĐM	N.cầu
1. Công tác đất đá				
1.1. Đào đất				
- Máy T.C	100m ³	1.355,72		
+ Máy xúc	Ca		0,37	501,62
+ Ô tô vận chuyển	Ca		0,74	1003,23
- Nhân công	Công			
+ Công trình 3/7	Công		62	84.054,64
+ Lao động thủ công	Công		78	105.746,16
1.2. Đắp đất	100m ³	2.160,21		
- Máy thi công	Ca			
+ Máy đầm	Ca		0,319	689,11
+ Máy ủi	Ca		0,16	345,63
- Nhân công	Công			
+ Công nhân 3/7	Công		3,16	6.826,26
+ Lao động thủ công	Công		3,95	8.532,83
2. Công tác móng mặt đường				
2.1. Móng đá dăm cấp phối	100m ²	843,00		
- Vật liệu				
+ Đá cấp phối	m ³		138	116.334
- Máy T.C	Ca			
- Máy ủi	Ca		0,42	354,06
- Máy san	Ca		0,08	67,44

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Lu rung 25T	Ca		0,21	177,03
- Lu bánh lớp 16T	Ca		0,34	286,62
- Máy lu 10T	Ca		0,21	177,03
- ô tô tưới nước	Ca		0,21	177,03
- Nhân công 4/7	Công		3,9	3287,7
2.2. Mặt đường cấp phối đá dăm	100m ²	278,48		
- Vật liệu	m ³			
+ Đá 4x6			19,79	5511,12
+ Đá 2x6			0,53	147,59
+ Đá 1x2			0,55	153,16
+ Đá 0,5x1			0,74	206,07
- Máy thi công				
+ Lu 8 tấn	Ca		2,19	609,87
+ Máy khác			5	13,92
- Nhân công				
+ Công nhân 3/7	Công		13,43	3739,99
2.3. Rải thảm BTN	100m ²	694,85		
- Vật liệu				
+ Bê tông nhựa	Tấn		16,97	11791,6
+ Máy thi công				
+ Máy rải 20T/h	Ca		0,14	97,28
+ Lu 10 tấn	Ca		0,12	83,38
+ Máy đầm bánh lốp	Ca		0,064	44,47
+ Máy khác	%		2	1389,7
- Nhân công				
+ Công nhân 4/7	Công		2,59	1799,66

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

2.4 Láng nhựa	100m ²	1375,25		
- Vật liệu				
+ Nhựa đường	Kg		321	441455,3
+ Cùi, cao su	Kg		260	357565
- Máy thi công				
+ Lu 8,5 tấn	Ca		1,85	2544,21
- Nhân công				
+ Công nhân 3/7	Công		11,44	15732,86
2.5. Đào khuôn	100m ³	115,68		
* Đất loại I	100m ³	68,54		
- Máy thi công				
+ Máy đào ≤ 0,8m ³	Ca		0,3	20,56
+ Máy đào ≤ 1,25m ³	Ca		0,226	15,49
+ Máy đào ≤ 2,3m ³	Ca		0,2	13,71
- Nhân công				
+ Công nhân bậc 3/7	Công		13,56	929,40
* Đất loại II	100m ³	47,14		
- Máy thi công				
+ Máy đào ≤ 0,8m ³	Ca		0,352	16,59
+ Máy đào ≤ 1,25m ³	Ca		0,261	12,30
+ Máy đào ≤ 2,3m ³	Ca		0,225	10,61
- Nhân công	Công		21,71	1023,41
+ Công nhân bậc 3/7				
3. Công tác thoát nước				
3.1. Cống tròn	Cái	389		
- Vật liệu				
+ Bê tông	m ³		105	3.124,1

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

+ Thép tròn	Kg		2713,5	85.398,34
+ Thép dây	Kg		57,83	1815,36
+ Gỗ ván	m ³		102	3.054,72
- Máy thi công				
+ Máy trộn	Ca		9,5	297,68
+ Máy đầm dùi	Ca		18	563,17
- Nhân công				
+ Nhân công 4/7	Công		425	13.824,56
3.2. Công bản	Cái	458		
- Vật liệu				
+ Bê tông	m ³		98	18.906,48
+ Thép tròn	Kg		2523	486.745,56
+ Thép dày	Kg		61,2	11.805,9
+ Gỗ v án	m ³		95	18.327,72
- Máy thi công				
+ Máy trộn	Ca		9,4	1.813,48
+ Máy đầm dùi	Ca		18	3.472,62
- Nhân công				
+ Công nhân 3/7	Công		425	81.992.42
3.3. Rãnh thoát nước	100m	376,54		
- Vật liệu				
+ Đá hộc	m ³		33,8	12727,05
+ Vữa xi măng	m ³		16,8	6325,87
- Nhân công				
+ Công nhân 3/7	Công		20	7530,8
3.4. Hồ tụ nước	Cái	83,0		
- Vật liệu				

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

+ Xi măng	Kg		23.000	35.963,63
+ Cát vàng	m ³		51,44	380,37
+ Đá xây	m ³		90,2	141,04
- Nhân công				
+ Công nhân 3/7	Công		120	187,64
Kết cấu phần trên				
Dầm cầu BTCT DUL	Tấn	6,82		
* Cốt thép dầm				
- Vật liệu				
+ Thép tròn	Kg		1020	6956,4
+ Dây thép	Kg		14,28	97,39
+ Que hàn	Kg		4,7	32,05
- Nhân công 3,5/7	Công		7,82	53,33
- Máy thi công				
+ Máy hàn 23kw	Ca		1,133	7,72
+ Máy cắt uốn	Ca		0,32	2,18
* Cáp thép DUL dầm cầu				
- Vật liệu				
+ Cáp cường độ cao	Kg		1025	1937,25
+ Đá cắt	Viên		6,7	12,66
+ Vật liệu khác	%		2	3,78
- Nhân công 4,5/7	Công		24	45,36
- Máy thi công				
+ Cần cẩu 25 tấn	Ca		0,12	0,22
+ Tời điện 5 tấn	Ca		0,3	0,56
+ Máy cắt cáp 10kw	Ca		2,2	4,16
+ Máy luồn cáp 15kw	Ca		6,5	12,28

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

+ Máy bơm nước 20kw	Ca		1,15	2,17
+ Máy nén khí 10m ³ /ph	Ca		0,75	1,42
+ Kính 250 tấn	Ca		2,8	5,29
+ Kính 500 tấn	Ca		2,8	5,29
+ Pha lãg xích 3T	Ca		4,2	7,94
+ Máy khác	%		1,5	0,51
* Bê tông M4000, đá 1x2	m ³	467,3		
- Vật liệu				
+ Vữa BTXM	m ³		1,015	47
+ Vật liệu khác	%		0,5	23,36
- Nhân công 4/7	Công		5,1	238,33
- Máy thi công				
+ Máy trộn 2501	Ca		0,12	5,61
+ Máy đầm dùi 1,5kw	Ca		0,28	13,84
+ Máy đầm bàn 1 kw	Ca		0,28	13,84
+ Máy khác	%		15	4,52
Khe co giãn, tăng phủ mặt cầu	m ³	12,6		
- Vật liệu				
+ Vữa BTXM	m ³		1,015	12,789
+ Vật liệu khác	%		0,5	6,3
- Nhân công 4/7	Công		3,2	40,32
- Máy thi công				
+ Máy trộn bê tông 2501	Ca		0,095	1,197
+ máy đầm dùi 1,5kw	Ca		0,18	2,268
+ Máy khác	%		10	0,347
Lan can, thoát nước + bản				

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

vượt				
* Cốt thép	Tấn	1,7525		
- Vật liệu				
+ Thép tròn	Kg		1020	1787,55
+ Thép dây	Kg		14,28	25,06
+ Que hàn	Kg		4,617	8,09
- Nhân công 3,5/7	Công		10,91	19,12
- Máy thi công				
+ Máy hàn 23kw	Ca		1,123	1,968
+ Máy cắt uốn	Ca		0,32	0,56
+ Máy vận thăng	Ca		0,04	0,07
* Lan can thép	Tấn	1,485		
- Vật liệu				
+ Thép hình	Kg		625,39	928,70
+ Thép tấm	Kg		316,0	469,26
+ Thép tròn	Kg		61,4	91,18
+ Que hàn	Kg		22,66	33,65
+ Oxi	Chai		0,78	1,16
+ Đất đèn	Kg		3,78	5,61
- Nhân công 3,5/7	Công		36,784	54,62
- Máy thi công				
+ Máy hàn 23Kw	Ca		3,64	5,41
+ Máy khoan 4,5Kw	Ca		3,64	5,41
+ Máy dột dập	Ca		3,64	5,41
+ Máy khác	%		3,64	0,54
* Bê tông m250, đá 1x2	m ³	17,92		
- Vật liệu				

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

+ Vữa BTXM	m ³		1,015	18,19
+ Vật liệu khác	%		0,5	8,96
- Nhân công 4/7	Công		3,2	57,34
- Máy thi công				
+ Máy trộn BT	Ca		0,095	1,70
+ Máy đầm dùi	Ca		0,18	3,22
+ Máy khác	%		10	179,2
Kết cấu phần dưới cầu				
Mố cầu				
* Bê tông mố cầu	m ³	488,75		
- Vật liệu: + Vữa BTXM	m ³		1,025	500,97
+ Vật liệu khác	%		2	977,5
- Nhân công 4/7	Công		2,91	1422,26
-Máy thi công				
+ Máy trộn 250l	Ca		0,095	46,43
+ Máy đầm dùi 1,5kw	Ca		0,089	43,49
+ Cần cẩu 16T	Ca		0,045	21,99
+ Sà lan 400T	Ca		0,045	21,99
+ Sà lan 200T	Ca		0,045	21,99
+ Tàu kéo 150 CV	Ca		0,045	21,99
+ Máy khác	%		2	1,687
* Cốt thép mũ mố	Tấn	0,2817		
- Vật liệu:				
+ Thép tròn	Kg		1020	287,33
+ Dây thép	Kg		14,28	4,023
+ Que hàn	Kg		6,5	1,83
- Nhân công 4/7	Công		11,72	3,302

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Máy thi công: + Máy hàn 23 Kw	Ca		1,6	0,45
+ Máy cắt uốn	Ca		0,32	0,09
+ Máy cẩu cầu 16T	Ca		0,09	0,025
- Cọc BTCT				
Các công tác khác				
Trồng cỏ	100m ²	6374,00		
-Nhân công				
+ Lao động phổ thông	Công		9	57.366
Sơn vạch kẻ đường	100m ²	238,92		
- Vật liệu				
+ Sơn	Kg		58	13857,36
+ Vật liệu khác	%		2	477,84
- Máy thi công				
+ Máy phun sơn	Ca		3	716,76
- Nhân công				
+ Công nhân 4/7	Công		0,06	14,34
Đúc cọc tiêu BTCT	Cái	464		
- Vật liệu:				
+ XMãng Pc 30	Kg		4,03	1869,92
+ Thép tròn 4-6mm	Kg		1,746	810,14
+ Thép dây buộc 1mm	Kg		0,017	7,89
+ Cát vàng	m ₃		0,0071	3,29
+ Đá sỏi	m ₃		0,012	5,57
+ Sơn	Kg		0,0154	7,14
+ Ván khuôn 3mm	m ³		0,0002	0,09
+ Đinh 6 cm	Kg		0,015	6,96

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Nhân công 3,5/7	Công		0,16	74,24
Biển báo	Cái	50		
- Vật liệu				
+ Xi măng PC 30	Kg		10,072	503,6
+ Thép tròn	Kg		2,285	114,25
+ Thép dây buộc 1mm	Kg		0,022	3,614
+ Cát vàng	m ³		0,014	0,7
+ Đá sỏi	m ³		0,023	1,15
+ Sơn	Kg		0,185	9,25
+ Ván khuôn 3cm	m ³		0,0017	0,085
+ Đinh 6 cm	Kg		0,0106	0,53
Nhân công 3,5/7	Công		0,46	23
Làm cột đỡ biển báo BTCT	Cột	50		
- Vật liệu				
+ Xi măng PC 30	Kg		12,261	613,05
+ Thép tròn	Kg		6,4	320
+ Thép dây buộc	Kg		0,062	3,1
+ Cát vàng	m ³		0,017	0,85
+ Đá sỏi	m ³		0,03	1,5
+ Sơn	Kg		0,2664	133,33
+ Ván khuôn 3cm	m ³		0,0004	0,2
+ Đinh 6cm	Kg		0,038	1,9
+ Bu lông m20x180	Cái		2,0	100
- Nhân công 3,5/7	Công		0,72	36

3.1.8. Tổng hợp nhu cầu nhân công - vật tư - máy thi công

Bảng 3.10

Tổng hợp nhu cầu của nhân công - vật tư - máy thi công

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

TT	Công nhân, vật tư - máy thi công	Đvị	Tổng nhu cầu
1	2	3	4
	Nhân công		
	1. Công nhân 3/7	Công	113698,54
	2. Công nhân 3,5/7	Công	19832,05
	3. Công nhân 4/7	Công	1.632,88
	4. Công nhân 4,5/7	Công	45,78
	5. Công nhân phổ thông	Công	71.554,4
I	Vật tư:		
	1. Đá cấp phối	m ³	132.844,24
	2. Bê tông nhựa	Tấn	12.653,64
	3. Nhựa đường	Kg	427.372,56
	4. Cùi, cao su	Kg	348.895
	5. Bê tông XM (vữa0	m ³	28.544,81
	6. Thép		
	6.1. Thép tròn	Kg	543.978,54
	6.2. Thép dày	Kg	13.472,554
	6.3. Thép hình	Kg	964,46
	6.4. Thép tấm	Kg	471,38
	7. Que hàn	Kg	85,64
	8. Gỗ ván	m ³	20.605,48
	9. Đá hộc	m ³	12.763,84
	10. Xi măng	Kg	38.182,29
	11. Cát vàng	m ³	4200,87
	12. Sơn ve	Kg	14.673,44
	13. Cáp cường độ cao	Kg	2.017,55

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

	14. Đá cắt	Viên	14,50
	15. Ô xi	Chai	1,23
	16. Đất đèn	Kg	5,95
	17. Vật liệu khác của cáp DUL và sơn vạch kẻ đường	Kg	596,52
	18. Vật liệu khác	m ³	55,42
III	Máy thi công		
	1. Máy xúc	Ca	544,89
	2. Ô tô		
	- Ô tô vận chuyển	Ca	1.026,89
	- Ô tô tưới nước	Ca	188,14
	3. Máy ủi	Ca	379,28
	4. Máy sau	Ca	73,29
	5. Máy lu		
	- Lu rung 25T	Ca	190,14
	- Lu bánh lốp 16T	Ca	305,77
	- Lu 10T	Ca	276,51
	- Lu 8T	Ca	537,23
	- Lu 8,5T	Ca	2.472,97
	6. Máy rải 20 tấn/h	Ca	100,25
	7. Máy đầm:		
	- Đầm bánh lốp	Ca	48,51
	- Đầm dùi	Ca	4.092,94
	- Đầm bàn	Ca	12,524
	8. Máy đào:		
	+ Máy đào $\leq 0,8\text{m}^3$	Ca	38,5
	+ Máy đào $\leq 1,25\text{m}^3$	Ca	21,26

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

	+ Máy đào ≤ 2,3m ³	Ca	24,82
	9. Máy trộn:	Ca	2.054,23
	10. Máy hàn	Ca	15,86
	11. Máy cắt uốn	Ca	3,03
	12. Máy cắt cáp	Ca	4,4
	13. Máy luồn cáp	Ca	7,5
	14. Cần cẩu	Ca	21,50
	15. Tủ điện	Ca	0,6
	16. Máy bơm nước	Ca	2,4
	17. Máy nén khí	Ca	11,88
	18. Kính 9250T + 500T)	Ca	8,17
	19. Pha lãng xích	Ca	8,39
	20. Máy vận Thăng	Ca	0,07
	21. Máy khoan	Ca	5,63
	22. Mát đột dập	Ca	5,63
	23. Sà Lan (200T + 400T)	Ca	40,54
	24. Tàu kéo	Ca	20,48
	25. Máy phun sơn	Ca	750,77
	26. Máy khác	Ca	1.601,11

3.2 CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2006 CỦA CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

3.2.1 Tích cực tìm kiếm điều tra các gói thầu và mở rộng thị trường

Để thực hiện được công việc này cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Thiết lập một hệ thống thông tin đầy đủ các dự án mời thầu để có những bước triển khai kịp thời

- Tuyển chọn cán bộ làm công tác đấu thầu và công tác tiếp thị có năng lực kinh nghiệm, có tính chuyên nghiệp cao. Cử cán bộ đi điều tra các dự án mà công ty có phương án tham gia đấu thầu để có những phương án tối ưu.

3.2.2. Công tác khoa học kỹ thuật và nâng cao chất lượng, bảo đảm tiến độ các công trình

Công tác khoa học kỹ thuật tập trung phục vụ những yêu cầu thiết thực của công ty, phục vụ việc tăng năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng công trình. Công ty cố gắng đến mức cao nhất việc áp dụng công nghệ, quy trình kỹ thuật mới vào sản xuất cũng như việc áp dụng và triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002 vào quá trình sản xuất.

Bảo đảm chất lượng và tiến độ công trình là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại, phát triển và uy tín của các công ty thuộc ngành xây dựng nói chung và công ty XD cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật nói riêng đã rất chú trọng đến vấn đề này. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế thì một số công trình do những điều kiện khách quan khác nhau như địa bàn xa, giải phóng mặt bằng chậm... vẫn chưa đáp ứng được tiến độ đề ra. Do đó, trong thời gian tới phải đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng và bảo đảm tiến độ các công trình, đặc biệt là các công trình trọng điểm có khối lượng công việc và giá trị lớn, không đưa các công nghệ lạc hậu vào thi công làm giảm tiến độ và chất lượng của các công trình này.

Muốn vậy, ngoài việc sắp xếp, hợp lý hoá các khâu công việc, bố trí đúng người, đúng việc, công ty phải đầu tư chiều sâu nhằm tiếp tục hiện đại hoá máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động. Công tác quản lý chất lượng và chỉ đạo thi công phải chủ động kiên quyết và sâu sát hơn nữa.

3.2.3. Tăng cường công tác huy động và thu hồi vốn đầu tư

Công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật có số vốn lưu động không lớn nhưng công ty đã và đang thi công nhiều công trình trên

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

nhiều địa bàn khác nhau nên nhu cầu về vốn lưu động ứng trước cũng như số vốn dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng ... lên tới những con số đáng kể. Mặt khác có một số công trình công ty đã thực hiện xong và đã bàn giao cho chủ đầu tư nhưng vẫn chưa được chủ đầu tư thanh toán kịp thời nên công ty vẫn còn một số vốn ứ đọng khá lớn ở các chủ đầu tư, gây khó khăn cho quá trình thực hiện các công trình tiếp theo.

Đứng trước tình hình đó, công ty cần có biện pháp nhằm huy động vốn và thu hồi vốn đầu tư của mình để tăng cường hiệu quả kinh doanh. Có thể thực hiện một số biện pháp sau:

- Tạo vốn bằng cách mở rộng sản xuất, tăng cường chất lượng công trình để tăng tổng doanh thu, tăng lợi nhuận, từ đó trích tỷ lệ nhập quỹ vốn phát triển sản xuất tăng lên

- Đẩy mạnh khả năng tạo vốn bằng cách tham gia liên doanh liên kết, tạo điều kiện để hỗ trợ về vốn lưu động, tăng khả năng năng lực vốn công nghệ... tăng khả năng cạnh tranh đồng thời qua đó cũng học hỏi thêm kinh nghiệm nhất là kinh nghiệm quản lý vốn có hiệu quả, đây là yếu tố giúp cho sự thành công của Công ty.

- Đẩy mạnh khả năng tạo vốn bằng cách thi công dứt điểm từng hạng mục công trình, rút ngắn thời gian xây dựng có như vậy mới tăng nhanh khả năng thu hồi vốn rút ngắn chu kỳ sản xuất, tăng nhanh vòng quay vốn.

- Nhanh chóng huy động vốn nhàn rỗi tạm thời của cán bộ trong toàn công ty với lãi suất phù hợp. Đồng thời mở rộng các hình thức kinh doanh nhằm tăng nguồn doanh thu.

- Tạo và mở rộng hơn nữa các quan hệ với các tổ chức Tài chính, Ngân hàng nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức trong việc vay mượn vốn, đứng ra bảo lãnh nhận thầu, qua đó khai thác tối đa nguồn vốn tín dụng.

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

- Việc hoàn thành nhanh chóng các hồ sơ pháp lý và hợp đồng nhận thầu và giao thầu lại phải được chú trọng hơn nữa bởi đây là yếu tố giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và thuận lợi

- Duy trì các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng nguyên vật liệu để có được điều kiện thuận lợi cho thanh toán phù hợp với điều kiện thi công trong chương trình nhằm bảo đảm tiến độ cung ứng vật liệu phù hợp với tiến độ thi công tránh tình trạng nguyên vật liệu về chậm làm tăng thời gian thi công một cách vô ích gây ứ đọng vốn và tăng chi phí không cần thiết.

- Đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi nợ

3.2.4. Nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành công ty

Để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành công ty cần:

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục và đào tạo, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển đi đôi với xã hội hoá công tác giáo dục - đào tạo. Khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài doanh nghiệp. Góp kinh phí đào tạo, sinh viên giỏi đang học tập ở các trường để thu hút họ về làm việc cho doanh nghiệp khi những học sinh, sinh viên này tốt nghiệp.

- Chú trọng bồi dưỡng kiến thức kinh tế thị trường, kiến thức và năng lực kinh doanh, quản lý kinh tế, tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên trong công ty.

- Tăng cường và chú trọng việc đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề và kỹ sư giỏi.

- Bố trí sắp xếp lại cán bộ trong các phòng ban một cách hợp lý

- Cải tiến mối quan hệ giữa các phòng.

3.2.5. Nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên trong công ty

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Đối với cán bộ chuyên môn và cán bộ khoa học kỹ thuật, giao cho các đồng chí có thâm niên công tác và kinh nghiệm lâu năm trong nghề kèm cặp, giúp đỡ các đồng chí mới ra trường, mới vào làm việc. Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần hăng say làm việc của cán bộ công nhân viên.

Xây dựng các biện pháp khuyến khích người lao động có tinh thần trách nhiệm, hăng hái làm việc. Các biện pháp đó phải được xây dựng trên cơ sở kết hợp hài hòa các yếu tố vật chất và tinh thần người lao động. Các biện pháp tạo động lực cho người lao động như:

- Hoàn thiện chính sách tiền lương: quỹ lương của công ty hình thành trên cơ sở tổng giá trị sản lượng và tổng quỹ lương kế hoạch do cấp trên duyệt. Tuy nhiên việc trả lương phải đúng người đúng việc, ai làm việc nhiều tích cực hiệu quả thì được trả lương cao, tránh việc người làm việc ít không hiệu quả mà vẫn trả lương cao gây tâm lý tiêu cực trong nội bộ. Người làm thêm giờ sẽ được trả lương thích hợp.

- Hoàn thiện chế độ tiền thưởng: những người hoàn thành công việc xuất sắc đem lại lợi ích cho công ty sẽ được Ban Giám đốc xét duyệt khen thưởng. Việc khen thưởng kịp thời có tác động vào tâm lý người lao động, nó thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo công ty tới người lao động, thúc đẩy người lao động nỗ lực phấn đấu hoàn thành công việc.

KẾT LUẬN

Nhận thấy sự cần thiết khách quan và chủ quan cũng như vai trò đặc biệt quan trọng của kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp nhà nước nói riêng, các nhà quản lý luôn coi công tác lập kế hoạch là bước khởi đầu quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Nó là kim chỉ nam định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách hiệu quả. Nếu các doanh nghiệp không xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho mình thì việc tổ chức thi công hoạt động không có hiệu quả, lực lượng phân tán, không tập trung thi công dứt điểm được các loại công trình chủ yếu, nếu công tác lập kế hoạch của doanh nghiệp mà có khoa học hợp lý thì nó tạo điều kiện cho quá trình thi công xây lắp của doanh nghiệp được liên tục, nhịp nhàng có hiệu quả cao.

Trên cơ sở sự hiểu biết, kiến thức của bản thân kết hợp với sưu tập, tham khảo sách báo, tài liệu rồi vận dụng vào thực tế tại đơn vị thực tập, em đã hoàn thành đồ án này. Thông qua việc phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết những mặt tồn tại làm hạn chế tính hiệu quả của công tác lập kế hoạch sản xuất, phát huy những mặt tích cực để ngày càng hoàn thiện hơn công tác lập kế hoạch sản xuất ở công ty xây dựng Cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kế hoạch hoá doanh nghiệp
2. Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng
GS.TS Nguyễn Văn Chơn
3. Kinh tế xây dựng trong kinh tế thị trường
4. Marketing trong xây dựng
5. Quy chế đấu thầu
6. Giáo trình Quản lý kinh tế
7. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2002, 2003, 2004
8. Báo cáo Tổng kết của Tổng công ty LICOGI năm 2003, 2004
9. Hồ sơ đăng ký dự thầu của Công ty Xây dựng cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật.

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	1
Chương 1: Lý luận chung về lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	3
<i>1.1. Doanh nghiệp xây dựng và vị trí của doanh nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân</i>	3
1.1.1. Doanh nghiệp xây dựng và phân loại doanh nghiệp xây dựng	3
1.1.2. Vị trí của doanh nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân.....	4
1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm xây dựng	7
<i>1.2. Tổng quan về kế hoạch hoá.....</i>	8
1.2.1. Khái niệm kế hoạch hoá	8
1.2.2. Nguyên tắc lập kế hoạch của các doanh nghiệp xây dựng	9
1.2.3. Phân loại kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng	10
1.2.3.1. Phân loại theo thời gian thực hiện kế hoạch.....	10
1.2.3.2. Phân loại theo nội dung công việc sản xuất - kinh doanh	10
1.2.3.3. Phân loại theo nguồn vốn xây dựng công trình	11
1.2.3.4. Phân loại theo đối tượng kế hoạch	11
1.2.4. Nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh xây dựng	11
1.2.4.1. Kế hoạch tìm kiếm hợp đồng xây dựng, tranh thầu và marketing ...	11
1.2.4.2. Kế hoạch thực hiện xây dựng theo từng hợp đồng	11
1.2.4.3. Kế hoạch năm	11
1.2.5. Ý nghĩa và vai trò của kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	13
1.2.6. Phương pháp lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	17
1.2.6.1. Những căn cứ để lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp	17
1.2.6.2. Nhiệm vụ và nguyên tắc lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	19
1.2.6.3. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất	21
1.2.6.4. Nội dung và trình tự lập kế hoạch sản xuất	23
1.2.6.5. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp	28

1.2.7. Giá trị tổng sản lượng	31
1.2.7.1. Phương pháp tính giá trị sản lượng xây lắp	31
1.2.7.2. Giá trị sản lượng các hoạt động khác	36
Chương 2: Thực trạng tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật (Cometco)	38
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật (Cometco)	38
2.1.1. Nhiệm vụ và mô hình tổ chức quản lý của Công ty.....	38
2.1.2. Khái quát hoạt động của Công ty	41
a) Công tác kinh tế - kế hoạch	41
b) Công tác thi công các công trình	42
c) Công tác tài chính.....	43
d) Công tác quản lý thiết bị xe máy thi công.....	43
e) Công tác an toàn lao động	44
f) Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và hành chính.....	44
g) Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật	45
2.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty.....	45
2.2.1. Đánh giá chung.....	45
a) Về giá trị tổng sản lượng	45
b) Doanh thu và lợi nhuận	47
c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước	48
2.2.2. Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật.....	49
2.2.2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ và nội dung phân tích.....	49
a) Ý nghĩa phân tích	49
b) Nhiệm vụ	49
c) Nội dung phân tích	50
2.2.2.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch năm 2005	51
a) Phân tích khái quát chỉ tiêu giá trị sản lượng 2005.....	52

b) Phân tích tình hình hoàn thành các hạng mục công trình chủ yếu.....	54
c) Phân tích tình hình khởi công và hoàn thành các công trình	56
d) Phân tích tình hình hoàn thành các công trình bàn giao trong năm 2005	59
2.2.3. Đánh giá chung thực trạng tình hình sản xuất tiêu thụ sản phẩm của Công ty.....	63
a) Những kết quả đạt được	63
b) Những tồn tại	64
c) Nguyên nhân của những tồn tại	64
Chương 3: Lập kế hoạch sản xuất - tiêu thụ sản phẩm và xác định nhu cầu đảm bảo kế hoạch cho năm 2006	66
3.1. Lập kế hoạch sản xuất - tiêu thụ sản phẩm năm 2006	66
3.1.1. Nhiệm vụ sản xuất năm 2006.....	66
3.1.2. Lập bảng danh mục công trình thi công và giá trị sản lượng năm 2006	66
3.1.3. Lập bảng danh mục công trình và tiến độ thi công năm 2006....	67
3.1.4. Lập bảng khối lượng công tác năm 2006	68
3.1.5. Lập bảng phân khai khối lượng	74
3.1.6. Lập bảng nghiệm thu bàn giao, tiêu thụ sản phẩm	76
3.1.7. Xác định nhu cầu nhân công - vật tư và máy thi công	77
3.1.8. Tổng hợp nhu cầu nhân công - vật tư - máy thi công	86
3.2. Các biện pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2006 của Công ty.....	89
3.2.1. Tích cực tìm kiếm điều tra các gói thầu và mở rộng thị trường	89
3.2.2. Công tác khoa học kỹ thuật và nâng cao chất lượng, bảo đảm tiến độ các công trình.....	89
3.2.3. Tăng cường công tác huy động và thu hồi vốn đầu tư.....	90
3.2.4. Nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành Công ty	91
3.1.5. Nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên trong Công ty	92

Đề tài: Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xây dựng

Kết luận	93
Tài liệu tham khảo	94